

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC NĂM HỌC 2020 – 2021
MÔN : ĐỊA LÝ 6

(Ban hành theo kế hoạch số : 96/KH-THCSYD ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng trường THCS Yên Đức)

Cả năm: 35 tuần = 35 tiết
Học kì I: 18 tuần (1 tiết/tuần = 18 tiết)
Học kì II: 17 tuần (1 tiết/tuần = 17 tiết)

Học kì I

STT	Tiết	Chương/ Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Nội dung GD tích hợp	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
1	1	Bài mở đầu.	1. <i>Kiến thức</i>: Một số nội dung cơ bản của môn Địa lí lớp 6 và phương pháp học tập môn Địa lí trong trường THCS. 2. <i>Kĩ năng</i>: Bước đầu hình thành kĩ năng sử dụng SGK, khả năng thu thập, xử lí thông tin Địa lí. 3. <i>Thái độ</i>: Có ý thức, trách nhiệm khi học tập bộ môn. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo tổng hợp kiến thức.	- Tranh ảnh về các khu vực địa lí, trái đất, các hành tinh	- Mục 2: Tích hợp GDĐĐ: Nhận thức đúng trách nhiệm, nghĩa vụ, mục đích học tập, rèn luyện tinh thần đoàn kết, tính siêng năng, kiên trì, hạnh phúc khi học tập bộ môn.		
Chương I. Trái Đất							
2	2	Bài 1: Vị Trí, hình dạng và kích thước của Trái Đất.	1. <i>Kiến thức</i> : Biết vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Trình bày được khái niệm kinh tuyến, vĩ tuyến. Biết quy ước về kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc.	Tranh hình 1,2,3 SGK và các tranh ảnh sưu tầm khác, Quả địa		Bài 2. Khái niệm bản đồ (dòng 9,10 từ trên xuống trang 11) tích hợp vào bài 3. Nội dung còn lại không	

			2. <i>Kĩ năng</i>: Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời, kinh tuyến gốc, các kinh tuyến Đông, các kinh tuyến Tây, vĩ tuyến gốc, các vĩ tuyến Bắc và vĩ tuyến Nam, nửa cầu Đông, nửa cầu Tây, nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam trên hình vẽ, trên bản đồ hoặc quả Địa Cầu - GDKNS: Tự duy, tự nhận thức, giao tiếp, làm chủ bản thân. 3. <i>Thái độ</i>: Có tình yêu thiên nhiên, có niềm tin vào khoa học tự nhiên. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp; sử dụng quả Địa Cầu, tranh ảnh, hình vẽ, tư duy tổng hợp kiến thức.	cầu		dạy	
3	3	Bài 3. Bản đồ và tỉ lệ bản đồ	1. <i>Kiến thức</i>: Định nghĩa đơn giản và ý nghĩa về bản đồ và tỉ lệ bản đồ. 2. <i>Kĩ năng</i>: Dựa vào tỉ lệ bản đồ tính được khoảng cách trên thực tế theo đường chim bay (đường thẳng) và ngược lại. - GDKNS: Tự duy, giao tiếp, làm chủ bản thân 3. <i>Thái độ</i>: Có ý thức trong học tập địa lí. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tính toán, hợp tác, giao tiếp; sử dụng công nghệ thông tin; sử dụng bản đồ, tranh ảnh, số liệu, tư duy tổng hợp kiến thức.	Tranh ảnh hình 4,5,6,7 SGk phóng to,	- Mục 1: Tích hợp: GDQP và AN: Giới thiệu bản đồ hành chính Việt Nam và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.		
4	4	Bài 4. Phương hướng trên bản đồ. Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí.	1. <i>Kiến thức</i>: Nhận biết các qui định về phương hướng trên bản đồ. Nắm vững khái niệm về kinh độ, vĩ độ, tọa độ địa lí của một điểm. 2. <i>Kĩ năng</i>: Xác định được phương.	- Tranh ảnh hình 8,9 SGK	- Mục 1: Tích hợp: GDQP và AN: Giới thiệu bản đồ hành chính Việt Nam và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với biển Đông	- Tiết 1 dạy mục 1 và mục 2	

			hướng, tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ hoặc trên quả Địa Cầu. 3. <i>Thái độ</i>: Có ý thức tuyên truyền và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp; sử dụng bản đồ, quả Địa Cầu, tranh ảnh, tư duy tổng hợp kiến thức.		và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.		
5	5	Bài 4. Phương hướng trên bản đồ. Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí (tiếp theo)	1. <i>Kiến thức</i>: Củng cố kiến thức ở mục 1 và mục 2 2. <i>Kĩ năng</i>: Nâng cao kĩ năng xác định phương hướng, tọa độ địa lí của một địa điểm bất kì trên bản đồ hoặc trên quả Địa Cầu. 3. <i>Thái độ</i>: Có tình yêu quê hương đất nước, tinh đoàn kết dân tộc. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; sử dụng bản đồ, quả Địa Cầu, tranh ảnh, tư duy tổng hợp kiến thức.	Tranh ảnh hình 10,12,13 SGK		-Tiết 2 dạymục 3	
6	6	Bài 5. Kí hiệu bản đồ. Cách biểu hiện địa hình trên bản đồ. -Kiểm tra 15 phút	1. <i>Kiến thức</i>: Định nghĩa đơn giản về kí hiệu bản đồ. 2. <i>Kĩ năng</i>: Đọc và hiểu nội dung bản đồ dựa vào kí hiệu bản đồ. 3. <i>Thái độ</i>: Có tình yêu quê hương đất nước, có niềm tin vào khoa học tự nhiên.- 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tính toán, hợp tác, giao tiếp; sử dụng bản đồ, hình vẽ, tranh ảnh, số liệu thống kê, tư duy tổng	Tranh ảnh hình 14, 16 SGk	- Mục 2:Tích hợp: GDQP và AN: Giới thiệu bản đồ hành chính Việt Nam và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.		

			hợp kiến thức.				
7	7	Bài 7. Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả.	1. <i>Kiến thức</i>: Trình bày được sự chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất: hướng, thời gian và tính chất của chuyển động. Trình bày được một số hệ quả sự vận động Trái Đất quanh trục. 2. <i>Kĩ năng</i>: Biết sử dụng quả Địa Cầu, chứng minh hiện tượng ngày đêm kế tiếp nhau trên Trái Đất. - GDKNS: tư duy, giao tiếp, làm chủ bản thân. 3. <i>Thái độ</i>: có ý thức tìm hiểu các hiện tượng ngày đêm, giờ giấc... xảy ra trên Trái Đất 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tính toán, hợp tác, giao tiếp; sử dụng công nghệ thông tin, quả Địa Cầu, tranh ảnh, hình vẽ, tư duy tổng hợp kiến thức.	Tìm các tranh ảnh liên quan tới bài học			
8	8	Ôn tập	1. <i>Kiến thức</i>: Hệ thống hóa lại một số kiến thức cơ bản đã học về: Trái Đất, tỉ lệ bản đồ, phương hướng trên bản đồ, hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến, tọa độ địa lý; kí hiệu bản đồ và cách biểu hiện địa hình trên bản đồ. 2. <i>Kĩ năng</i>: Cùng cố kĩ năng đọc, xác định, nhận xét, xử lí, phân tích kiến thức địa lí trên hình vẽ và quả Địa Cầu. 3. <i>Thái độ</i>: Có tình yêu thiên nhiên, yêu mến cuộc sống hòa bình. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tính toán, hợp tác, giao tiếp; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; sử dụng bản đồ, quả Địa Cầu, tranh ảnh, tư duy tổng hợp kiến thức.	Tranh ảnh liên quan đến kiến thức trong bài. Hình			

9	9	Kiểm tra viết 1 tiết (kiểm tra giữa kì)	1. <i>Kiến thức</i>: Nhằm đánh giá về kiến thức, kĩ năng ở 4 mức độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao của học sinh sau khi học từ bài 1 đến bài 5, điều chỉnh rút kinh nghiệm kịp thời quá trình dạy và học, góp phần hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất của học sinh. 2. <i>Kĩ năng</i>: Xử lí số liệu, thông tin địa lí, tư duy tổng hợp kiến thức địa lí. 3. <i>Thái độ</i>: Giáo dục ý thức làm bài tự giác, tư duy sáng tạo. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Sáng tạo, tính toán, tư duy tổng hợp, trình bày kiến thức.	Đề kiểm tra tự luận		-Bảng ma trận, đề bài, đáp án, biểu điểm.	
10	10	Bài 8. Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.	1. <i>Kiến thức</i>: Trình bày được chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất: hướng, thời gian, quỹ đạo và tính chất của chuyển động. Trình bày được một số hệ quả chuyển động của Trái Đất. 2. <i>Kĩ năng</i>: Sử dụng hình vẽ để mô tả hiện tượng chuyển động tịnh tiến của Trái Đất trên quỹ đạo và chứng minh hiện tượng các mùa. - GDKNS: tư duy, giao tiếp, làm chủ bản thân. 3. <i>Thái độ</i>: Có ý thức tìm hiểu các hiện tượng các mùa xảy ra trái ngược ở hai bán cầu trên Trái Đất 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp; sử dụng công nghệ thông tin; quả Địa Cầu, tranh ảnh, hình vẽ, tư duy tổng hợp kiến thức.	- Máy chiếu			

11	11	Bài 9. Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo mùa	1. <i>Kiến thức</i>: Trình bày được hiện tượng ngày, đêm chênh lệch giữa các mùa là hệ quả của sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời 2. <i>Kĩ năng</i>: Sử dụng hình vẽ, quả Địa Cầu và ngọn đèn để giải thích hiện tượng ngày, đêm dài khác nhau. - GDKNS: tư duy, giao tiếp, làm chủ bản thân. 3. <i>Thái độ</i>: Có ý thức tìm hiểu và giải thích hiện tượng các mùa ảnh hưởng đến thực tế đời sống và sản xuất con người. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp; sử dụng công nghệ thông tin; quả Địa Cầu, tranh ảnh, hình vẽ, tư duy tổng hợp kiến thức.	Tranh ảnh liên quan đến kiến thức trong bài. Hình 24 và 25			
12	12	Bài 10. Cấu tạo bên trong của Trái Đất.	1. <i>Kiến thức</i>: Nêu tên các lớp cấu tạo của Trái Đất và đặc điểm của từng lớp. Trình bày được cấu tạo và vai trò của lớp vỏ Trái Đất. 2. <i>Kĩ năng</i>: Quan sát và nhận xét về vị trí, độ dày của các lớp cấu tạo bên trong Trái Đất từ hình vẽ. 3. <i>Thái độ</i>: Có niềm tin vào khoa học tự nhiên. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp; sử dụng bản đồ, hình vẽ, tranh ảnh, số liệu thống kê, tư duy tổng hợp kiến thức.	Tranh ảnh liên quan đến kiến thức trong bài	- Mục 1: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH: Sử dụng nguồn năng lượng địa nhiệt thay thế nguồn năng lượng hóa thạch, góp phần giảm BĐKH.		
13	13	Bài 11. Thực hành: Sự phân bố các lục địa và đại dương	1. <i>Kiến thức</i>: Biết tỉ lệ lục địa, đại dương và sự phân bố lục địa, đại dương trên bề mặt Trái Đất. 2. <i>Kĩ năng</i>: Xác định được 6 lục địa, 4	Tranh ảnh liên quan đến kiến thức trong bài		- Câu 3 không yêu cầu HS làm.	

		trên bề mặt Trái Đất.	đại dương trên bản đồ hoặc trên quả Địa Cầu. 3. <i>Thái độ</i> : Có tình yêu thiên nhiên, yêu mến cuộc sống hòa bình. -4: <i>Hình thành năng lực</i> : Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp; sử dụng bản đồ, quả Địa Cầu, số liệu thống kê, tư duy tổng hợp kiến thức.				
Chương II. Các thành phần tự nhiên của Trái Đất.							
14	14	Bài 12. Tác động của nội lực và ngoại lực trong việc hình thành địa hình trên bề mặt Trái Đất.	1. <i>Kiến thức</i> : Nêu được khái niệm nội lực, ngoại lực và biết được tác động của chúng đến địa hình trên bề mặt Trái Đất. Nêu được hiện tượng động đất, núi lửa và tác hại của chúng. Biết được khái niệm mácma. 2. <i>Kỹ năng</i> : Quan sát nhận xét tranh ảnh địa lí. - GDKNS: Tư duy, giao tiếp, làm chủ bản thân 3. <i>Thái độ</i> : Có niềm tin vào khoa học Địa lí 4. <i>Hình thành năng lực</i> : Giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp; sử dụng bản đồ, tranh ảnh, tư duy tổng hợp kiến thức.	Tranh ảnh liên quan đến kiến thức trong bài	- Mục 2: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH: Hoạt động núi lửa góp phần làm cho bầu khí quyển nóng lên và MT thêm ô nhiễm (khói bụi chứa nhiều mêtan, sufua và các loại khí khác).		
15	15	Bài 13. Địa hình bề mặt Trái Đất.	1. <i>Kiến thức</i> : Nêu được đặc điểm hình dạng, độ cao của núi, ý nghĩa của các dạng núi đối với đời sống và sản xuất. 2. <i>Kỹ năng</i> : Nhận biết được các dạng địa hình núi qua mô hình, tranh ảnh. 3. <i>Thái độ</i> : Có tình yêu thiên nhiên,	- Bản đồ địa hình VN, bảng phân loại núi cao, tranh ảnh các loại núi, hang động, thắng cảnh	- Mục 3: Tích hợp GDĐĐ-BVTNMT: GD tình yêu thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên, thấy hạnh phúc khi làm những việc có ích để bảo vệ môi trường. Nâng cao ý thức trách		

			yêu quê hương đất nước, ý thức bảo vệ di sản. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp; sử dụng bản đồ, tranh ảnh, hình vẽ, tư duy tổng hợp kiến thức.	du lịch	nhiệm, tự giác giữ gìn, bảo vệ các di sản thiên nhiên.		
16	16	Bài 14. Địa hình bề mặt Trái Đất (<i>tiếp theo</i>).	1. <i>Kiến thức</i>: Nêu được đặc điểm hình dạng, độ cao của đồng bằng, cao nguyên, đồi. Ý nghĩa của các dạng đồng bằng, cao nguyên, đồi đối với đời sống và sản xuất nông nghiệp. 2. <i>Kĩ năng</i>: Nhận biết được các dạng địa hình qua mô hình, tranh ảnh. 3. <i>Thái độ</i>: Có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường tự nhiên. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp; sử dụng bản đồ, tranh ảnh, mô hình, tư duy tổng hợp kiến thức.	- Bản đồ tự nhiên VN và thế giới, tranh ảnh, mô hình, lát cắt về đồng bằng, cao nguyên			
17	17	Ôn tập	1. <i>Kiến thức</i>: Hệ thống hóa lại một số kiến thức cơ bản đã học từ bài 7 đến bài 12. 2. <i>Kĩ năng</i>: Củng cố kĩ năng đọc, xác định, nhận xét, xử lí, phân tích kiến thức địa lí trên hình vẽ, tranh ảnh và quả Địa Cầu. 3. <i>Thái độ</i>: Có tình yêu thiên nhiên, yêu mến cuộc sống hòa bình. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tính toán, hợp tác, giao tiếp; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; sử dụng bản đồ, quả Địa Cầu, tranh ảnh, số liệu thống	- Máy chiếu			

			kê, tư duy tổng hợp kiến thức.				
18	18	Kiểm tra học kì I.(kiểm tra cuối kì)	<i>1. Kiến thức:</i> Nhằm đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức ở mức độ biết, hiểu, vận dụng kiến thức đã học trong chương trình học kì I. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học làm sao góp phần hình thành và phát triển các năng lực và phẩm chất đạo đức của HS. <i>2. Kỹ năng:</i> Sử dụng lược đồ, xử lí thông tin số liệu. <i>3. Thái độ:</i> Ý thức độc lập, tự giác, trung thực trong kiểm tra. <i>4. Hình thành năng lực:</i> Sáng tạo, xử lí thông tin số liệu, tư duy tổng hợp, trình bày kiến thức.				

Học kì II

STT	Tiết	Chương/ Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Nội dung GD tích hợp	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
19	19	Bài 15. Các mỏ khoáng sản.	1. Về kiến thức: Sau khi học xong HS: - Nắm được các khái niệm khoáng vật, đá, khoáng sản, mỏ khoáng sản, nguyên nhân hình thành các khoáng sản . - Nhận thức khoáng sản không phải là nguồn tài nguyên vô tận phải biết khai thác hợp lí. 2. Về kĩ năng: - Biết phân loại khoáng sản dựa vào công dụng của khoáng sản . * Kĩ năng sống: Giao tiếp, phản hồi, lắng nghe 4. Về thái độ: - Giáo dục ý thức, trách nhiệm, tiết kiệm, hiệu quả trong sử dụng năng lượng trong cuộc sống. - Có ý thức tuyên truyền, trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản 5. Về định hướng phát triển năng lực: - Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy tổng hợp - Sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình ảnh	- Bản đồ khoáng sản Việt Nam, mẫu khoáng sản; máy chiếu	- Mục 2: Tích hợp GDĐĐ: Nhận thức đúng trách nhiệm, nghĩa vụ đối với việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản của lớp.		
Chương I. Trái Đất							
20	20	Bài 16. Thực hành : Đọc bản đồ (lược đồ) địa hình	1. Kiến thức: Sau khi học xong HS: - Nắm được khái niệm đường đồng mức. 2. Kĩ năng:	- Lược đồ hình 44, mô hình núi và đường đồng mức		Bài 2. Khái niệm bản đồ (dòng 9,10 từ trên xuống trang 11) tích hợp vào bài 3. Nội dung	

		tỉ lệ lớn	- Đo tính độ cao và các khoảng cách trên thực địa dựa vào tỉ lệ bản đồ - Biết đọc và sử dụng các bản đồ tỉ lệ lớn có các đường đồng mức * Kỹ năng sống: Giao tiếp, phản hồi, lắng nghe 3.Về thái độ: Có thái độ đúng khi học địa lí 4.Năng lực: - Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy tổng hợp - Sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình ảnh	làm từ nón lá		còn lại không dạy	
21	21	Bài 17. Lớp vỏ khí	1.Kiến thức: Sau khi học xong HS: - Biết thành phần của lớp vỏ khí. - Giải thích được nguyên nhân hình thành và tính chất của các khối khí nóng, lạnh, lục địa, đại dương. - Nguyên nhân làm cho mỗi nơi có nhiệt độ không khí khác nhau . 2.kĩ năng: - Qua biểu đồ đọc được tỉ lệ các thành phần không khí. * Kỹ năng sống: Giao tiếp, phản hồi, lắng nghe 4.Thái độ: - Giúp các em hiểu biết thêm về thực tế Trái Đất nơi mình đang sống. - Có ý thức bảo vệ môi trường, ứng phó với những biến đổi của khí hậu. 5.Năng lực:	-Máy chiếu	* <i>Tích hợp đạo đức:</i> Giáo dục ý thức hợp tác, đoàn kết thực hiện hành động bảo vệ môi trường , thấy vui và hạnh phúc từ những hành động đó . Nâng cao ý thức tuyên truyền sự cần thiết phải có trách nhiệm , tự giác giữ gìn bảo vệ môi trường		

			- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy tổng hợp - Sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình ảnh				
22	22+ 23	Bài 18. Thời tiết, khí hậu và nhiệt độ không khí Bài 19. Khí áp và gió trên Trái Đất - kiểm tra 15 phút	1. kiến thức: - Học sinh nắm được khái niệm: thời tiết và khí hậu, khí áp - Hiểu nhiệt độ không khí là gì? Nguyên nhân làm cho mỗi nơi có nhiệt độ không khí khác nhau . - Biết cách đo nhiệt độ không khí, tính nhiệt độ trung bình ngày, tháng, năm. - Nắm được khái niệm khí áp. Hiểu và trình bày được sự phân bố khí áp trên TĐ. - Nêu được tên, phạm vi hoạt động và hướng của các loại gió thổi thường xuyên trên TĐ. 2. kĩ năng: - Biết cách đo nhiệt độ và tính nhiệt độ trung bình . - Quan sát, nhận xét, phân tích, giải thích, sử dụng tranh ảnh. - Xác định được các đai khí áp và các loại gió chính trên Trái Đất. * Kỹ năng sống: Giao tiếp, phản hồi, lắng	- Bản đồ khí hậu thế giới Và tranh ảnh liên quan tới kiến thức trong bài	<i>* Tích hợp đạo đức:</i> - Giáo dục cho học sinh ý thức trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác trong bảo vệ môi trường xung quanh bằng những việc làm cụ thể hàng ngày, vui vẻ hạnh phúc với những việc làm có ý nghĩa đó. - Giáo dục kĩ năng sống tư duy; thu thập và xử lí thông tin, giao tiếp làm chủ bản thân - Biết ứng phó với các tình huống khắc nghiệt của thời tiết, khí hậu.	Bài 18: Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập không yêu cầu học sinh trả lời Bài 19: Câu hỏi 3 phần câu hỏi và bài tập không yêu cầu học sinh trả lời Tích hợp nội dung mục 2, 3 của bài 18 và cả bài 19 thành một chủ đề (dạy trong 2 tiết) (Lưu ý: Mục 1 bài 18 chuyển xuống bài 22)	

			nghe 4. Về thái độ: - HS biết được ích lợi của gió đối với đời sống và sinh hoạt của con người. - Giúp các em hiểu biết thêm về thực tế Trái Đất nơi mình đang sống. - Có ý thức bảo vệ môi trường, ứng phó với những biến đổi của khí hậu. 5. Về định hướng phát triển năng lực: - Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy tổng hợp - Sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình ảnh.				
23	24	Bài 20. Hơi nước trong không khí. Mưa	Về kiến thức: Sau khi học xong HS: - Nắm được khái niệm: độ ẩm không khí, độ bão hòa hơi nước trong không khí và hiện tượng ngưng tụ của hơi nước - Biết cách tính lượng mưa trong ngày, tháng, và năm và lượng mưa trung bình năm. 2. Về kĩ năng: - Biết đọc bản đồ phân bố lượng mưa và phân tích biểu đồ lượng mưa * Kĩ năng sống: Giao tiếp, phản hồi, lắng nghe 3. Về tư duy: Thu thập và xử lí thông tin 4. Về thái độ: - Giúp các em hiểu biết thêm về thực tế Trái Đất nơi mình đang sống. - Có ý thức bảo vệ môi trường, ứng phó với những biến đổi của khí hậu. 5. Về định hướng phát triển năng lực:	- Máy chiếu			

			- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy tổng hợp - Sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình ảnh.				
24	25 + 26	Chủ đề: Khí hậu Trên Trái Đất - Bài 22. Các đới khí hậu trên Trái Đất	1. Về kiến thức: Sau khi học xong HS: - Nắm được vị trí, đặc điểm của các đường chí tuyến và vòng cực trên bề mặt Trái Đất - Trình bày được vị trí của các đai nhiệt, các đới khí hậu và đặc điểm của các đới khí hậu theo vĩ độ trên Trái Đất 2. Về kĩ năng: Đọc và phân tích tranh vẽ minh họa về các đới khí hậu . * Kĩ năng sống: Giao tiếp, phản hồi, lắng nghe 3. Về tư duy: Thu thập và xử lí thông tin 4. Về thái độ: Giáo dục lòng yêu thích, hăng say bộ môn 5. Về định hướng phát triển năng lực: - Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy tổng hợp - Sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống	Tranh ảnh liên quan đến kiến thức trong bài	- Giáo dục cho học sinh ý thức trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác trong bảo vệ môi trường xung quanh bằng những việc làm cụ thể hàng ngày, vui vẻ hạnh phúc với những việc làm có ý nghĩa đó. - Giáo dục kĩ năng sống tư duy; thu thập và xử lí thông tin, giao tiếp làm chủ bản thân - Biết ứng phó với các tình huống khắc nghiệt của thời tiết, khí hậu.	Tích hợp mục I (bài 18) và các câu hỏi 1,4 và 5 của (bài 21 thực hành) tích hợp thành chủ đề (dạy trong 2 tiết) Lưu ý: + Mục 1 bài 22: các khí quyển và vòng cực trên Trái Đất (không dạy) + Bài 21: thực hành câu hỏi 2-3 (không yêu cầu học sinh làm)	
25	27	Ôn tập	1. Kiến thức: Hệ thống hóa lại một số kiến thức cơ bản đã học về: Lớp vỏ khí, thời tiết, khí hậu và nhiệt độ không khí, khí áp và gió trên Trái Đất, Các đới khí hậu trên Trái Đất 2. Kĩ năng: Củng cố kĩ năng đọc, xác định, nhận xét, xử lí, phân tích kiến thức địa lí trên hình vẽ và quả Địa Cầu.	- Máy chiếu			

			3. <i>Thái độ</i>: Có tình yêu thiên nhiên, yêu mến cuộc sống hòa bình. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tính toán, hợp tác, giao tiếp; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; sử dụng bản đồ, quả Địa Cầu, tranh ảnh, tư duy tổng hợp kiến thức.				
26	28	Kiểm tra viết 1 tiết	1. <i>Kiến thức</i>: Nhằm đánh giá về kiến thức, kĩ năng ở 4 mức độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao của học sinh sau khi học từ bài 1 đến bài 5, điều chỉnh rút kinh nghiệm kịp thời quá trình dạy và học, góp phần hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất của học sinh. 2. <i>Kĩ năng</i>: Xử lí số liệu, thông tin địa lí, tư duy tổng hợp kiến thức địa lí. 3. <i>Thái độ</i>: Giáo dục ý thức làm bài tự giác, tư duy sáng tạo. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Sáng tạo, tính toán, tư duy tổng hợp, trình bày kiến thức.	Đề kiểm tra đã in sẵn trên giấy			
29	29	Bài 23. Sông và hồ	1. Kiến thức: - Trình bày được khái niệm sông, lưu vực sông, hệ thống sông, lưu lượng nước; nêu được mối quan hệ giữa nguồn cấp nước và chế độ nước sông - Trình bày được khái niệm hồ, phân loại hồ căn cứ vào nguồn gốc, tính chất của nước 2. Kĩ năng: - Sử dụng mô hình để mô tả hệ thống sông: sông chính, phụ lưu, chi lưu - Nhận biết nguồn gốc một số loại hồ qua tranh ảnh: Hồ núi lửa, hồ băng hà, hồ	Tranh, ảnh liên quan tới sông hồ	- Giáo dục cho học sinh ý thức trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác trong bảo vệ môi trường xung quanh bằng những việc làm cụ thể hàng ngày, vui vẻ hạnh phúc với những việc làm có ý nghĩa đó. - Giáo dục kĩ năng sống tự duy; thu thập và xử lí thông tin, giao tiếp làm chủ bản thân		

			móng ngựa, hồ nhân tạo 3. Thái độ: - Không làm ô nhiễm nước sông, hồ - Có hành vi bảo vệ nước sông, hồ khỏi bị ô nhiễm 4. <i>Hình thành năng lực:</i> Sáng tạo, tính toán, tư duy tổng hợp, trình bày kiến thức				
30	30 + 31	Chủ Đề : Biển và Đại Dương- Bài:	1. <i>Kiến thức:</i> Trình bày được chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất: hướng, thời gian, quỹ đạo và tính chất của chuyển động. Trình bày được một số hệ quả chuyển động của Trái Đất. 2. <i>Kĩ năng:</i> Sử dụng hình vẽ để mô tả hiện tượng chuyển động tịnh tiến của Trái Đất trên quỹ đạo và chứng minh hiện tượng các mùa. - GDKNS: tư duy, giao tiếp, làm chủ bản thân. 3. <i>Thái độ:</i> Có ý thức tìm hiểu các hiện tượng các mùa xảy ra trái ngược ở hai bán cầu trên Trái Đất 4. <i>Hình thành năng lực:</i> Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp; sử dụng công nghệ thông tin; quả Địa Cầu, tranh ảnh, hình vẽ, tư duy tổng hợp kiến thức.	- Máy chiếu		Bài 25: thực hành: sự chuyển động của các dòng biển trong đại dương tích hợp vào 24 thành 1 chủ đề (dạy trong 2 tiết)	
31	32	Bài 26. Đất. Các nhân tố hình thành đất.	1. Về kiến thức: Sau khi học xong HS: - Biết khái niệm về đất (thổ nhưỡng), các thành phần của đất và đặc điểm cũng như các nhân tố hình thành đất - Hiểu được tầm quan trọng của độ phì và ý thức vai trò của con người trong việc làm cho độ phì đất tăng hay giảm	- Bản đồ thế giới, máy chiếu			

			2. Về kĩ năng: Đọc và phân tích tranh vẽ minh hoạ về các đới khí hậu . * Kĩ năng sống: Giao tiếp, phản hồi, lắng nghe 3. Về tư duy: Thu thập và xử lí thông tin 4. Về thái độ: Giáo dục lòng yêu thích, hăng say bộ môn 5. Về định hướng phát triển năng lực: - Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy tổng hợp - Sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình ảnh.				
32	33	Bài 27. Lớp vỏ sinh vật. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố thực, động vật trên Trái Đất	1. Về kiến thức: Sau khi học xong HS: - Biết được khái niệm lớp vỏ sinh vật - Ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên đến sự phân bố thực, động vật trên Trái Đất và mối quan hệ giữa chúng . - Ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của con người đến sự phân bố động thực vật và sự cần thiết bảo vệ chúng. 2. Về kĩ năng: Quan sát , nhận xét tranh ảnh về các loài động thực vật ở các miền khí hậu khác nhau. * Kĩ năng sống: Giao tiếp, phản hồi, lắng nghe 3. Về tư duy: Thu thập và xử lí thông tin	Bản đồ thế giới, máy chiếu	- Mục 3: Tích hợp GDĐĐ-BVTNMT: GD tình yêu thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên, thấy hạnh phúc khi làm những việc có ích để bảo vệ môi trường. Nâng cao ý thức trách nhiệm, tự giác giữ gìn, bảo vệ các di sản thiên nhiên.		

			4. Về thái độ: Giáo dục lòng yêu thích, hăng say bộ môn 5. Về định hướng phát triển năng lực: - Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy tổng hợp				
33	34	Ôn tập học kì II.	1. <i>Kiến thức</i>: Hệ thống hóa lại một số kiến thức cơ bản đã học từ bài 19 đến bài 27. 2. <i>Kỹ năng</i>: củng cố kỹ năng đọc, xác định, nhận xét, xử lí, phân tích kiến thức địa lí trên hình vẽ, tranh ảnh và quả Địa Cầu. 3. <i>Thái độ</i>: Có tình yêu thiên nhiên, yêu mến cuộc sống hòa bình. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tính toán, hợp tác, giao tiếp; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; sử dụng bản đồ, quả Địa Cầu, tranh ảnh, số liệu thống kê, tư duy tổng hợp kiến thức.	- Máy chiếu			
34	35	Kiểm tra cuối học kì II	1. <i>Kiến thức</i>: Nhằm đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức ở mức độ biết, hiểu, vận dụng kiến thức đã học trong chương trình học kì I. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học làm sao góp phần hình thành và phát triển các năng lực và phẩm chất đạo đức của HS. 2. <i>Kỹ năng</i>: Sử dụng lược đồ, xử lí thông tin số liệu. 3. <i>Thái độ</i>: Ý thức độc lập, tự giác, trung thực trong kiểm tra. 4. <i>Hình thành năng lực</i>: Sáng tạo, xử lí thông tin số liệu, tư duy tổng hợp, trình bày kiến thức.				

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC NĂM HỌC 2020 – 2021

MÔN : ĐỊA LÝ 7

(Ban hành theo kế hoạch số : 96/KH-THCSYĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng trường THCS Yên Đức)

Cả năm : 35 tuần = 70 tiết
Học kì I: 18 tuần (2 tiết/tuần = 36 tiết)
Học kì II: 17 tuần (2 tiết/tuần = 34 tiết)

HỌC KÌ I

STT	Tiết	Chương/Bài học/ Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Nội dung GD tích hợp	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
1	1	Bài 1: Dân số	- Biết được tình hình và giải thích được nguyên nhân của sự gia tăng dân số. - Hậu quả của bùng nổ dân số đối với các nước đang phát triển. - Rèn kĩ năng đọc và khai thác thông tin từ các biểu đồ dân số và tháp tuổi.	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ dân cư và đô thị thế giới	GD đạo đức: yêu thương, trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác.		
	2	Bài 2: Sự phân bố dân cư. Các chủng tộc trên thế giới	- Biết và giải thích được sự phân bố dân cư trên thế giới. - Nhận biết được sự khác nhau giữa các chủng tộc Môn-gô-lô-ít, Nê-grô-ít và Ô-rô-pê-ô-ít về hình thái bên ngoài của cơ thể và nơi sinh sống chủ yếu của mỗi chủng tộc. - Rèn luyện kĩ năng đọc bản đồ dân số, bản đồ tự nhiên thế giới.	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ dân cư và đô thị thế giới.	GD đạo đức: yêu thương, tôn trọng, trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, hòa bình, tự do.		
	3	Bài 3: Quần cư . đô thị hóa	- So sánh được sự khác nhau giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị về hoạt động kinh tế, mật độ dân số, lối sống. - Biết được vài nét lịch sử phát triển đô thị và sự	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ dân cư và đô thị thế giới.			

2			hình thành các siêu đô thị. - Rèn kĩ năng đọc và chỉ bản đồ các đô thị lớn trên thế giới.				
	4	Bài 4: Thực hành: Phân tích lược đồ dân số và tháp tuổi	Củng cố cho học sinh kiến thức đã học của toàn chương: - Khái niệm mật độ dân số và sự phân bố dân số không đều trên thế giới. - Các khái niệm đô thị, siêu đô thị và sự phân bố các siêu đô thị ở Châu Á. - Củng cố, nâng cao thêm các kĩ năng đọc lược đồ dân số, phân tích tháp tuổi. - Vận dụng để tìm hiểu thực tế dân số Châu Á, dân số Việt Nam.	Máy chiếu		Câu 1: Khuyến khích học sinh tự làm.	
3	5	Bài 5: Đới nóng. Môi trường xích đạo ẩm	- Học sinh xác định được vị trí đới nóng trên thế giới và các kiểu môi trường trong đới nóng. - Trình bày được đặc điểm của môi trường xích đạo ẩm. - Đọc bản đồ, phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa của MT xích đạo ẩm. - Nhận biết được môi trường xích đạo ẩm qua sự mô tả, hoặc tranh, ảnh.	Máy chiếu			
	6	Bài 6: Môi trường nhiệt đới.	- Nắm được đặc điểm của môi trường nhiệt đới. - Nhận biết được cảnh quan đặc trưng của môi trường nhiệt đới là xavan hay đồng cỏ cao nhiệt đới. - Củng cố luyện tập thêm kĩ năng đọc biểu đồ khí hậu cho học sinh. - Củng cố kĩ năng nhận biết về môi trường địa lí cho học sinh qua ảnh chụp, tranh vẽ...	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ các môi trường trên thế giới.			
	7	Bài 7: Môi trường nhiệt đới gió mùa.	- Trình bày được nguyên nhân hình thành và đặc điểm của gió mùa. - Nắm được đặc điểm của môi trường nhiệt đới gió mùa: vị trí, khí hậu, cảnh quan... - Rèn luyện cho học sinh kĩ năng đọc bản đồ, ảnh địa lí, biểu đồ khí hậu và nhận biết khí hậu nhiệt đới gió mùa qua biểu đồ khí hậu.	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ các môi trường trên thế giới.	GD ứng phó với biến đổi KH trong mục 1 (liên hệ).		

4	8	Bài 10: Dân số và sức ép dân số tới tài nguyên, môi trường ở đới nóng.	- Biết được tình hình dân số đới nóng, sức ép của dân số tới tài nguyên- môi trường và các biện pháp mà các nước đang phát triển áp dụng để giảm sức ép dân số, bảo vệ tài nguyên và môi trường. - Phân tích được mối quan hệ giữa dân số với tài nguyên, môi trường ở đới nóng . - Luyện tập cách đọc, phân tích biểu đồ và sơ đồ về các mối quan hệ giữa dân số với tài nguyên môi trường ở đới nóng.		Máy chiếu	GD ứng phó với biến đổi KH trong mục 2, 3, 4 (liên hệ). GD đạo đức: trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, tiết kiệm, giản dị. GD ANQP		
5	9	Bài 12: Thực hành: nhận biết đặc điểm môi trường đới nóng	- Đặc điểm khí hậu xích đạo ẩm, nhiệt đới, nhiệt đới gió mùa. - Đặc điểm của các kiểu môi trường ở đới nóng. - Kỹ năng nhận biết các môi trường của đới nóng qua ảnh địa lí, qua biểu đồ khí hậu. - Kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa chế độ mưa với chế độ sông ngòi giữa khí hậu với môi trường.		Máy chiếu		Câu 2 và 3 Không yêu cầu HS làm	
	10	Bài 13: Môi trường đới ôn hòa	Chủ đề: Môi trường đới ôn hòa	- Nắm được đặc điểm các kiểu môi trường ở đới ôn hòa. - Học sinh trình bày được nguyên nhân gây ô nhiễm không khí, nước ở các nước phát triển. - Biết được hậu quả do ô nhiễm không khí và nước gây ra cho thiên nhiên và con người trong phạm vi một đới, có tính toàn cầu. - Cùng cố thêm kỹ năng đọc, phân tích ảnh và bản đồ địa lí, bồi dưỡng kỹ năng nhận biết các kiểu khí hậu ôn hoà qua biểu đồ, tranh ảnh.	- Máy chiếu. Hoặc - Bản đồ các môi trường trên thế giới	GD ứng phó với biến đổi KH trong mục 1 (bộ phận). GD đạo đức: trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, hạnh phúc. GD ANQP		

6	11,1 2	Bài 17: Ô nhiễm môi trường ở đới ôn hòa (Chia 2 tiết: Tiết 1: mục 1 Tiết 2: mục 2)						
	13	Bài 18: Thực hành: Nhận biết đặc điểm môi trường đới ôn hòa					Câu 2: Không yêu cầu HS làm.. Câu 3: Không yêu cầu vẽ biểu đồ, GV hướng dẫn HS nhận xét và giải thích.	
7	14	Bài 19 Môi trường hoang mạc	- Học sinh nắm được đặc điểm cơ bản của môi trường hoang mạc. - Biết sự thích nghi của sinh vật với môi trường hoang mạc. - Rèn luyện kỹ năng đọc, so sánh biểu đồ khí hậu, đọc và phân tích ảnh địa lí. - GDKNS: Tự duy, giao tiếp, làm chủ bản thân. Tự nhận thức.	Máy chiếu hoặc bản đồ các môi trường thế giới.				
	15	Bài 21: Môi trường đới lạnh	- Học sinh trình bày được các đặc điểm cơ bản của đới lạnh. - Biết tính thích nghi của sinh vật ở đới lạnh để tồn tại và phát triển, đặc biệt là động vật dưới nước. - Rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích bản đồ và ảnh địa lí; đọc biểu đồ khí hậu đới lạnh.	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ các môi trường trên thế giới.	GD ứng phó với biến đổi KH trong mục 1 (liên hệ).			
	16	Bài 23: Môi trường	- Học sinh hiểu được những đặc điểm cơ bản của môi trường vùng núi.	- Máy chiếu. - Hoặc				

8		vùng núi	- Biết được cách cư trú khác nhau ở các vùng núi trên Trái đất. - Rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích ảnh địa lí; và cách đọc lát cắt một ngọn núi.	- Bản đồ các môi trường trên thế giới			
9	17	Ôn tập	- củng cố lại toàn bộ kiến thức đã học từ đầu năm cho HS và qua đó đánh giá lại quá trình tiếp thu tri thức của HS. - Tổng hợp, rèn luyện kỹ năng phân tích biểu đồ, lược đồ, tranh ảnh địa lí.				
	18	Ôn tập chương II,III	- Củng cố lại kiến thức qua các chương: đặc điểm các môi trường ôn đới, hoang mạc, đới lạnh và vùng núi: các đặc điểm tự nhiên, hoạt động kinh tế, và vấn đề môi trường của các môi trường đó. - Rèn luyện kỹ năng phân tích tranh ảnh, biểu đồ. - Nhận biết được môi trường qua biểu đồ khí hậu. - Đề ra được phương hướng ôn tập.	Máy chiếu			
10	19	Kiểm tra giữa kì I	- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. - Kiểm tra kiến thức và kỹ năng cơ bản về thành phần nhân văn của môi trường; môi trường đới nóng, hoạt động kinh tế của con người ở đới nóng. - Kiểm tra ở cả 3 cấp độ nhận thức, hiểu, vận dụng - Rèn kỹ năng tư duy, trình bày bài viết trên giấy.				
	20	Ôn tập chương IV,V	- Củng cố lại kiến thức qua các chương: đặc điểm các môi trường ôn đới, hoang mạc, đới lạnh và vùng núi: các đặc điểm tự nhiên, hoạt động kinh tế, và vấn đề môi trường của các môi trường đó. - Rèn luyện kỹ năng phân tích tranh ảnh, biểu đồ. - Nhận biết được môi trường qua biểu đồ khí hậu. - Đề ra được phương hướng ôn tập.	Máy chiếu			
	21	Bài 25: Thế giới rộng lớn và đa dạng	- Phân biệt được lục địa và châu lục. Biết tên sáu lục địa và sáu châu lục trên thế giới. - Biết được một số tiêu chí (chỉ số phát triển con người) để phân loại các nước trên thế giới thành	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ dân cư và đô thị thế giới.	GD đạo đức: trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, hạnh phúc, yêu thương,		

11			hai nhóm nước: phát triển và đang phát triển. - Đọc bản đồ về thu nhập bình quân đầu người của các nước trên thế giới. - Nhận xét bảng số liệu về chỉ số phát triển con người (HDI) của một số quốc gia trên thế giới		khoan dung, hòa bình		
	22	Bài 26: Thiên nhiên Châu Phi	- Học sinh hiểu và trình bày được Châu Phi có dạng hình khối, đặc điểm, vị trí địa lí, địa hình và khoáng sản của Châu Phi. - Đọc và phân tích được lược đồ tìm ra vị trí địa lí, đặc điểm địa hình và sự phân bố khoáng sản Châu Phi.	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ tự nhiên Châu Phi.			
12	23	Bài 27: Thiên nhiên Châu Phi (tiếp)	- Trình bày được đặc điểm về hình dạng lục địa, về địa hình và khoáng sản của châu Phi. - Đọc và phân tích được lược đồ tìm ra vị trí địa lí, đặc điểm địa hình và sự phân bố khoáng sản Châu Phi.	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ tự nhiên Châu Phi.			
	24	Bài 28: Thực hành: Phân tích lược đồ phân bố môi trường tự nhiên, biểu đồ nhiệt độ lượng mưa châu Phi	- Học sinh trình bày và giải thích được sự phân bố các môi trường tự nhiên Châu Phi. - Hiểu được cách phân tích một bản đồ khí hậu Châu Phi và xác định được trên lược đồ các môi trường tự nhiên Châu Phi, vị trí của địa điểm có biểu đồ đó - Rèn luyện kĩ năng phân tích bản đồ lượng mưa, nhiệt độ của một địa điểm, rút ra đặc điểm khí hậu của địa điểm đó.	Máy chiếu			
	25	Bài 29 : Dân cư và xã hội Châu Phi	- Học sinh nắm vững sự phân bố dân cư không đều ở Châu Phi. - Hiểu rõ sự bùng nổ dân số không kiểm soát được và sự xung đột sắc tộc trên miền đang cản trở sự phát triển của Châu Phi. - Rèn luyện kĩ năng phân tích lược đồ dân cư và đô thị, rút ra nguyên nhân của sự phân bố đó.	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ tự nhiên Châu Phi.	GD ứng phó với biến đổi KH trong mục 2 (liên hệ). GD đạo đức: trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, hạnh phúc, hòa bình, yêu thương,	Mục 1. Lịch sử và dân cư; phần a: Sơ lược lịch sử Không dạy	

13					khoan dung, tôn trọng.		
	26	Bài 30: Kinh tế Châu Phi	- Học sinh trình bày được đặc điểm nông nghiệp CP. - Đặc điểm công nghiệp CP chú trọng khai thác khoáng sản để xuất khẩu. - Giải thích được tại sao Châu Phi có nền công nghiệp chậm phát triển. - Đọc và phân tích lược đồ, bản đồ kinh tế CP để hiểu rõ sự phân bố các ngành nông nghiệp và công nghiệp CP.	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ tự nhiên Châu Phi.	GD ứng phó với biến đổi KH trong mục 1, 2 (liên hệ).		
14	27	Bài 31: Kinh tế Châu Phi (tiếp)	- Học sinh trình bày được nền kinh tế các nước CP phục vụ cho hoạt động xuất khẩu, chủ yếu nguyên liệu vật liệu thô, nông sản nhiệt đới, nhập hàng tiêu dùng và lương thực, thực phẩm. - Hiểu rõ sự đô thị hoá không tương xứng với trình độ phát triển công nghiệp nên nhiều vấn đề kinh tế - xã hội cần phải giải quyết. - Phân tích lược đồ kinh tế CP, nắm được cấu trúc nền kinh tế.	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ tự nhiên Châu Phi.	GD ứng phó với biến đổi KH		
	28	Bài 32: Các khu vực Châu Phi	- Học sinh hiểu trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước CP không đều. - Trình bày được các đặc điểm tự nhiên, kinh tế của khu vực Bắc Phi - Rèn cho học sinh kỹ năng phân tích lược đồ tự nhiên và kinh tế - xã hội để rút ra những kiến thức địa lý về tự nhiên và đặc điểm kinh tế - xã hội.	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ kinh tế Châu Phi. - Bản đồ tự nhiên Châu Phi. - Bản đồ dân cư và đô thị Châu Phi.			
	29	Bài 32: Các khu vực Châu Phi	- Học sinh hiểu trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước CP không đều. - Trình bày được các đặc điểm tự nhiên, kinh tế của khu vực Bắc Phi - Rèn cho học sinh kỹ năng phân tích lược đồ tự nhiên và kinh tế - xã hội để rút ra những kiến thức địa lý về tự nhiên và đặc điểm kinh tế - xã hội.				

15	30	Bài 33: Các khu vực Châu Phi (Tiếp theo)	- Học sinh biết được trình độ phát triển kinh tế không đồng đều thể hiện trong thu nhập bình quân đầu người giữa các quốc gia ở CP. - Hiểu được sự khác biệt trong nền kinh tế của ba khu vực CP. - Rèn cho học sinh kỹ năng phân tích lược đồ.	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ kinh tế Châu Phi. - Bản đồ tự nhiên Châu Phi. - Bản đồ dân cư và đô thị Châu Phi.	GD ứng phó với biến đổi KH trong mục 2, 3 (liên hệ).		
16	31, 32	Ôn tập	- Hệ thống hoá lại kiến thức và khắc sâu kiến thức từ đầu năm học, từ đó có phương pháp ôn tập mới đối với từng loại học sinh. - Bổ sung những kiến thức còn sai thiếu. - Học sinh nắm được kiến thức cơ bản của thành phần nhân văn của môi trường, các môi trường địa lý tự nhiên Châu Phi. - Rèn luyện kỹ năng bản đồ, nhận biết môi trường qua biểu đồ khí hậu.	Máy tính			
17	33	Kiểm tra cuối học kì I	- Nhằm đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức ở mức độ biết, hiểu, vận dụng kiến thức đã học trong chương trình học kì I. Điều chỉnh kịp thời phương pháp dạy và học, góp phần hình thành và phát triển năng lực và phẩm của học sinh. - Trình bày bài, tính toán, xử lý thông tin địa lý, giải quyết tình huống thực tiễn.				
	34	Bài 34: Thực hành: So sánh nền kinh tế của ba khu vực châu Phi	- Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản những đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế của khu vực Bắc Phi, khu vực Trung Phi, khu vực Nam Phi. - Sử dụng lược đồ thu nhập bình quân đầu người của các nước châu Phi	- Máy chiếu.			
	35, 36	Bài 35: Khái quát Châu Mỹ	- Biết được vị trí địa lý, giới hạn của châu Mỹ trên bản đồ. - Học sinh so sánh được sự giống và khác nhau giữa vị trí, giới hạn của Châu Mỹ với Châu Phi.	- Máy chiếu. - Hoặc - Bản đồ Châu Mỹ	GD đạo đức: trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, hạnh phúc, tôn trọng.		

18			- Rèn cho học sinh kỹ năng phân tích lược đồ.				
----	--	--	---	--	--	--	--

HỌC KÌ II

19	37	Bài 36: Thiên nhiên Bắc Mĩ	- Nắm được đặc điểm ba khu vực của địa hình Bắc Mĩ - Sự phân hoá địa hình theo hướng từ Bắc xuống Nam chi phối sự phân hoá khí hậu ở Bắc Mĩ - Rèn luyện kỹ năng phân tích lát cắt địa hình - Rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích lược đồ tự nhiên và lược đồ các kiểu khí hậu Bắc Mĩ để rút ra mối liên hệ giữa địa hình và khí hậu	Máy chiếu			
	38	Bài 37 Dân cư Bắc Mĩ	- Sự phân bố dân cư Bắc Mĩ gắn liền với quá trình khai thác lãnh thổ - Các luồng chuyển dân cư từ vùng công nghiệp Hồ Lớn xuống “Vành đai Mặt Trời” - Rèn kỹ năng phân tích lược đồ dân cư	Máy chiếu			
20	39	Bài 37 Dân cư Bắc Mĩ	- Xác định sự phân bố dân cư khác nhau ở phía Tây và phía Đông từ vùng công nghiệp Hồ Lớn xuống “Vành đai Mặt Trời” - Rèn kỹ năng phân tích lược đồ dân cư				
	40	Bài 38 Kinh tế Bắc Mĩ	- Hiểu nền nông nghiệp Bắc Mĩ có hình thức tổ chức sản xuất hiện đại, đạt trình độ cao, hiệu quả lớn. Biết việc sử dụng nhiều phân hóa học và thuốc trừ sâu đã làm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. - Phân tích lược đồ nông nghiệp để xác định được các vùng nông nghiệp chính của Bắc Mĩ - Phân tích mối quan hệ giữa sản xuất nông nghiệp và môi trường ở Bắc Mĩ.	Máy chiếu			
	41, 42	Bài 39 Kinh tế Bắc Mĩ (tiếp theo)	- Nền công nghiệp Bắc Mĩ đã phát triển ở trình độ cao, sự gắn bó mật thiết giữa công nghiệp và dịch vụ, công nghiệp chế biến chiếm ưu thế. - Trong công nghiệp có sự chuyển biến trong phân bố sản xuất hình thành các trung tâm dịch vụ lớn. - Mối quan hệ giữa các nước thành viên NAFTA và	Máy chiếu	* Tích hợp giáo dục môi trường		

21			vai trò của Hoa Kỳ trong NAFTA. - Phân tích lược đồ công nghiệp Bắc Mỹ, quyết định hình thành các trung tâm kinh tế				
		Bài 40: Thực hành: Tìm hiểu vùng công nghiệp truyền thống ở Đông Bắc Hoa Kỳ và vùng công nghiệp "Vành đai Mặt Trời"				Khuyến khích HS tự làm	
22	43	Bài 41 Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ	- Vị trí, giới hạn khu vực Trung và Nam Mỹ để nhận biết đây là khu vực có không gian địa lí khổng lồ - Đặc trưng địa hình eo đất Trung Mỹ và quần đảo Ăngti, cấu trúc địa hình của Nam Mỹ - Phân tích lược đồ tự nhiên, xác định vị trí đới lạnh và quy mô lãnh thổ khu vực Trung và Nam Mỹ - Kỹ năng so sánh và phân tích các đặc điểm khu vực địa hình, rút ra sự khác biệt giữa địa hình Trung Mỹ và quần đảo Ăngti, giữa khu vực Đông và khu vực Tây Nam Mỹ				
	44	Bài 42 Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ (tiếp theo)	- Sự phân bố khí hậu ở Trung và Nam Mỹ, vai trò của sự phân bố địa hình ảnh hưởng tới sự phân bố khí hậu - Đặc điểm các môi trường tự nhiên ở Trung và Nam Mỹ - Kỹ năng phân tích các mối quan hệ của các yếu tố địa hình với khí hậu và các yếu tố tự nhiên khác - Kỹ năng phân tích và so sánh để thấy rõ sự phân bố của địa hình và khí hậu, hiểu được sự đa dạng của môi trường tự nhiên khu vực	Máy chiếu	Tích hợp: Bảo vệ môi trường		
	45	Bài 43:	Đặc điểm dân cư Trung và Nam Mỹ. Nền văn hoá	Máy chiếu	Tích hợp BVMT	Mục 1. Sơ lược lịch	

23		Dân cư, xã hội Trung và Nam Mỹ	Mĩ Latinh - Đặc điểm đô thị hóa ở Trung và Nam Mỹ . - Rèn luyện phân tích so sánh đối chiếu lược đồ để thấy rõ sự phân bố dân cư và đô thị châu Mỹ			sử (không dạy)	
	46	Bài 44: Kinh tế Trung và Nam Mỹ	- Nguyên nhân cải cách ruộng đất ở Trung và Nam Mỹ ít thành công. - Sự phân bố nông nghiệp ở Trung và Nam Mỹ. - Kỹ năng đọc và phân tích lược đồ nông nghiệp để thấy được sự phân bố sản xuất nông nghiệp ở Trung và Nam Mỹ. - Kỹ năng phân tích ảnh về hai hình thức sở hữu và sản xuất nông nghiệp ở Trung và Nam Mỹ.				
24	47	Bài 45: Kinh tế Trung và Nam Mỹ (tiếp theo)	c. Thấy được sự cần thiết phải bảo vệ rừng Amadôn khỏi bị suy thoái . - Vai trò phát triển kinh tế của Mec-cô-xua. - Rèn luyện kỹ năng phân tích. - Phân tích lược đồ các siêu đô thị ở Trung và Nam Mỹ. - Phân tích mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế với môi trường và mối quan hệ giữa rừng Amadôn với khí hậu toàn cầu .	Máy chiếu			
	48	Bài 46 Thực hành: Sự phân hóa của thảm thực vật ở sườn đông và sườn tây của dãy núi An-đét	- Nắm vững sự phân hoá của môi trường theo độ cao ở dãy An-đét. - Hiểu rõ sự khác nhau giữa sườn đông và sườn tây của dãy An-đét, sự khác nhau trong vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên ở sườn đông và sườn tây của dãy An-đét. - Dựa vào hình vẽ trình bày được sự phân hoá của môi trường theo độ cao, trình bày được sự khác biệt của hai sườn của dãy An-đét.				
	49	Ôn tập chương VII	Củng cố lại kiến thức qua chương: Tự nhiên, dân cư, kinh tế, xã hội châu Mỹ. - Rèn luyện kỹ năng phân tích tranh ảnh, biểu đồ. - Nhận biết được môi trường qua biểu đồ khí hậu. - Đề ra được phương hướng ôn tập.				

25	50	Bài 47 Châu Nam Cực – châu lục lạnh nhất TG	- Nắm được các hiện tượng và đặc điểm tự nhiên của châu Nam Cực. Biết vấn đề môi trường cần quan tâm ở châu Nam Cực là bảo vệ các loài động vật quý đang có nguy cơ tuyệt chủng. - Một số nét đặc trưng về quá trình khám phá và nghiên cứu Châu Nam Cực. - Rèn Hs kĩ năng đọc bản đồ địa lí ở các vùng địa cực.				
26	51	Bài 48 Thiên nhiên châu Đại Dương	- Biết và mô tả được bốn nhóm đảo thuộc vùng đảo Châu Đại Dương. - Nắm được đặc điểm về tự nhiên của các đảo Châu Đại Dương - Đọc bản đồ quan sát ảnh địa lí.	Máy chiếu	Tích hợp bảo vệ môi trường Bảo vệ động vật hoang dã		
	52	Bài 49 Dân cư và kinh tế châu Đại Dương	- Nắm vững đặc điểm dân cư châu Đại Dương, đặc biệt là của Ôxtrâyli-a và NiuDilen. - Nắm vững sự phát triển kinh tế xã hội của Châu Đại Dương - Hiểu rõ mối quan hệ giữa các điều kiện tự nhiên với sự phân bố dân cư, sự phát triển và phân bố sản xuất công – nông nghiệp. - Đọc, nhận xét lược đồ, bảng số liệu.				
27	53	Bài 50 Thực hành: Viết báo cáo về đặc điểm tự nhiên của Ô- xtray-li-a	- Đặc điểm địa hình lục địa Ôxtrâyli-a - Nhận xét lát cắt địa hình, giải thích mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố tự nhiên - Đọc, phân tích ảnh và bản đồ. - Kĩ năng viết báo cáo và trình bày một phút.				
	54	Ôn tập chương VIII	- củng cố lại kiến thức qua chương: Châu Nam Cực. - Rèn luyện kĩ năng phân tích tranh ảnh, biểu đồ. - Nhận biết được môi trường qua biểu đồ khí hậu. - Đề ra được phương hướng ôn tập.	Máy chiếu			
	55	Ôn tập	- Củng cố lại kiến thức qua chương: Thiên nhiên,				

28		chương IX	dân cư và kinh tế châu Đại Dương. - Rèn luyện kỹ năng phân tích tranh ảnh, biểu đồ. - Nhận biết được môi trường qua biểu đồ khí hậu. - Đề ra được phương hướng ôn tập.				
	56	Kiểm tra giữa kì II	- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. - Kiểm tra kiến thức và kỹ năng cơ bản về thành phần nhân văn của môi trường; môi trường đới nóng, hoạt động kinh tế của con người ở đới nóng. - Kiểm tra ở cả 3 cấp độ nhận thức, hiểu, vận dụng - Rèn kỹ năng tư duy, trình bày bài viết trên giấy. - Kỹ năng phân tích lược đồ dân số, tháp tuổi - Kỹ năng nhận biết môi đặc điểm MT đới nóng qua biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.				
29	57	Bài 51 Thiên nhiên châu Âu	- Nắm vững vị trí địa lí, hình dạng, kích thước lãnh thổ để thấy được Châu Âu là châu lục nằm ở đới ôn hoà với nhiều bán đảo. Đặc điểm tự nhiên, địa hình, khí hậu, sông ngòi của Châu Âu. - Dựa vào bản đồ tự nhiên học sinh xác định được vị trí địa lí, đặc điểm của bờ biển và các đặc điểm tự nhiên của thiên nhiên Châu Âu.				
	58	Bài 52 Thiên nhiên châu Âu (tiếp theo)	- Nắm vững đặc điểm và sự phân bố của các môi trường ở Châu Âu. - Rèn kỹ năng phân tích lược đồ, sơ đồ và rút ra đặc điểm khí hậu của từng khu vực.				
	59	Bài 53 Thực hành: Đọc, phân tích lược đồ, biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa châu Âu	- Học sinh nắm vững các đặc điểm khí hậu và sự phân bố thực vật của Châu Âu. - Tiếp tục rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích lược đồ, biểu đồ khí hậu từ đó rút ra kiến thức.				

30	60	Bài 54 Dân cư, xã hội châu Âu	- Nắm được sự đa dạng về tôn giáo ngôn ngữ văn hoá của các dân tộc ở Châu Âu. - Nắm vững dân số Châu Âu đang già đi (thiếu lao động) dẫn đến làn sóng nhập cư lao động gây nhiều khó khăn về phát triển kinh tế xã hội. - Nắm vững Châu Âu là châu lục có mức độ đô thị hoá cao, thúc đẩy nông thôn, thành thị ngày càng xích lại gần nhau. - Rèn kĩ năng bản đồ, biểu đồ tháp tuổi, lược đồ phân bố dân cư đô thị, các nhóm ngôn ngữ để tìm ra kiến thức.		GD môi trường		
31	61	Bài 55 Kinh tế châu Âu	- Nắm vững Châu Âu có một nền nông nghiệp tiên tiến, có hiệu quả cao. Một nền công nghiệp phát triển, dịch vụ hoạt động năng động đa dạng chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế. - Nắm vững sự phân bố các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Biết sự phát triển ngành dịch vụ châu Âu luôn chú trọng bảo vệ môi trường tự nhiên . - Nắm vững Châu Âu có một nền nông nghiệp tiên tiến, có hiệu quả cao. Một nền công nghiệp phát triển, dịch vụ hoạt động năng động đa dạng chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế.		* Tích hợp Giáo dục môi trường		
	62	Bài 56 Khu vực Bắc Âu	- Nắm vững Châu Âu có một nền nông nghiệp tiên tiến, có hiệu quả cao. Một nền công nghiệp phát triển, dịch vụ hoạt động năng động đa dạng chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế. - Nắm vững sự phân bố các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Biết sự phát triển ngành dịch vụ châu Âu luôn chú trọng bảo vệ môi trường tự nhiên . - Nắm vững Châu Âu có một nền nông nghiệp tiên tiến, có hiệu quả cao. Một nền công nghiệp phát triển, dịch vụ hoạt động năng động đa dạng chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế.		GD: Bảo vệ môi trường		
	63	Bài 57	- Địa hình, khí hậu, khu vực Tây và Trung Âu.				

32		Khu vực Tây và Trung Âu	- Tình hình phát triển kinh tế khu vực. - Rèn luyện kỹ năng phân tích: Tổng hợp để nắm được đặc điểm địa hình 3 miền trong khu vực.				
	64	Bài 58 Khu vực Nam Âu	- Đặc điểm vị trí địa lý, địa hình khu vực Nam Âu, những nét chính về kinh tế khu vực. - Vai trò của khí hậu, văn hoá, lịch sử và phong cảnh đối với du lịch Nam Âu. - Rèn kỹ năng đọc và phân tích lược đồ tự nhiên Nam Âu, biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa, phân tích các ảnh về khu vực.				
33	65	Bài 59 Khu vực Đông Âu	- Đặc điểm môi trường khu vực Đông Âu. - Đặc điểm và tình hình phát triển kinh tế khu vực Đông Âu. - Rèn luyện kỹ năng phân tích tổng hợp lược đồ tự nhiên với phát triển thảm thực vật để thấy được mối quan hệ giữa khí hậu và thảm thực vật.				
	66	Bài 60 Liên minh châu Âu	- Liên minh châu Âu (EU) được mở rộng qua nhiều giai đoạn. - Đây là hình thức liên minh cao nhất trong các hình thức tổ chức kinh tế, là tổ chức thương mại hàng đầu thế giới (dẫn chứng). - Liên minh châu Âu không ngừng mở rộng quan hệ với các nước và các tổ chức kinh tế trên toàn cầu, đặc biệt với Việt Nam. - Xác định các nước gia nhập Liên minh châu Âu trên bản đồ.				
34	67	Bài 61 Thực hành: Đọc lược đồ, vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế châu Âu	- Nắm vững vị trí địa lý một số quốc gia ở châu Âu theo các cách phân loại khác nhau. - Nắm vững cách vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế của một số quốc gia châu Âu - Rèn kỹ năng đọc bản đồ, xử lý thông tin.				
	68	Ôn tập	- Củng cố và khắc sâu một số kiến thức cơ bản đã học từ đầu học kì II đến nay (từ bài 36 đến bài 46). - Hệ thống hóa kiến thức, xử lý thông tin số liệu,	Máy chiếu			

			phân tích biểu đồ, đọc lược đồ địa lí.				
35	69	Ôn tập	- Hệ thống hoá lại kiến thức (từ bài 47 đến bài 60). - Bổ sung những kiến thức còn sai thiếu. - Học sinh nắm được kiến thức cơ bản của thành phần nhân văn của môi trường, các môi trường địa lí tự nhiên Châu Phi. - Rèn luyện kĩ năng bản đồ, nhận biết môi trường qua biểu đồ khí hậu.	Máy chiếu			
	70	Kiểm tra cuối học kì II	- Nhằm đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức ở mức độ biết, hiểu, vận dụng kiến thức đã học trong chương trình học kì II và cả năm. Điều chỉnh kịp thời phương pháp dạy và học, góp phần hình thành và phát triển năng lực và phẩm của học sinh. - Trình bày bài, tính toán, xử lí thông tin địa lí, giải quyết tình huống thực tiễn.				

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC NĂM HỌC 2020 – 2021
MÔN : ĐỊA LÝ 8

(Ban hành theo kế hoạch số : 96/KH-THCSYD ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng trường THCS Yên Đức)

Cả năm : 35 tuần = 52 tiết
Học kì I: 18 tuần (1 tiết/tuần = 18 tiết)
Học kì II: 17 tuần (2 tiết/tuần = 34 tiết)

HỌC KÌ I

STT	Tiết	Chương/ bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH Ứng dụng CNTT	Nội dung GD tích hợp	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
1	1	Bài 1. Vị trí địa lí, địa hình và khoáng sản.	- HS nắm được vị trí địa lí, giới hạn của châu Á trên bản đồ, trình bày được đặc điểm hình dạng, kích thước lãnh thổ, địa hình, khoáng sản châu Á; phân tích ảnh hưởng của những yếu tố trên đến khí hậu và cảnh quan châu Á - Đọc và phân tích kiến thức từ bản đồ tự nhiên châu Á, Phân tích các mối quan hệ địa lí để giải thích đặc điểm tự nhiên.	- Máy chiếu, - Bản đồ tự nhiên Châu Á.	- Tích hợp giáo dục đạo đức: Giáo dục ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên môi trường		
2	2	Bài 2. Khí hậu châu Á.	- Trình bày và giải thích được đặc điểm khí hậu, sự khác nhau giữa kiểu khí hậu gió mùa và kiểu khí hậu lục địa ở châu Á, liên hệ thực tế với khí hậu Việt Nam. - Đọc lược đồ khí hậu châu Á. Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của một số địa điểm ở châu Á để hiểu và trình bày được đặc điểm của một số kiểu khí hậu tiêu biểu ở châu Á.	- Máy chiếu - Bảng TT - Bản đồ khí hậu Châu Á.		Câu hỏi 2: Phần câu hỏi và bài tập. Không yêu cầu HS làm.	
3	3	Bài 3. Sông ngòi và cảnh quan châu Á.	- Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi, đặc điểm các cảnh quan tự nhiên của châu Á. Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước,	- Máy chiếu - Bản đồ sông ngòi Châu Á.	- Phần 1:GD đạo đức: ý thức, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước sông và sử		

			giá trị kinh tế của các hệ thống sông lớn, sự phân bố của một số cảnh quan: rừng lá kim, rừng nhiệt đới ẩm, thảo nguyên, hoang mạc... Hiểu được những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên châu Á đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. - Đọc bản đồ tự nhiên châu Á. Xác lập mối quan hệ giữa khí hậu, địa hình với sông ngòi và cảnh quan tự nhiên ở châu Á.		dụng nước sạch tiết kiệm. Chống sạt lở bờ sông. - Phần 3: Tích hợp GD BDKH.		
4	4	Bài 4. Thực hành: Phân tích hoàn lưu gió mùa ở châu Á.	- Nhận biết qui luật hoạt động của gió mùa; Hiểu được nguyên nhân hình thành và sự thay đổi hướng gió của khu vực gió mùa châu Á, phân tích những thuận lợi, khó khăn đối với sản xuất và đời sống con người ở châu Á, liên hệ thực tế với Việt Nam. - Đọc, phân tích sự thay đổi khí áp và hướng gió trên bản đồ.	- Máy chiếu			
5	5	Bài 5. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á	- Nhận biết một số đặc điểm nổi bật về dân cư - xã hội ở châu Á. Vận dụng kiến thức giải thích được: châu Á có số dân lớn, tăng nhanh, mật độ cao so với thế giới. - Phân tích bảng số liệu, ảnh địa lí. Đọc và khai thác kiến thức từ bản đồ dân cư châu Á.	- Máy chiếu - Bản đồ dân cư và đô thị Châu Á	- Phần 1: GD DS & KHH GD tránh gây sức ép TN - MT.	- Câu hỏi 2: Phần câu hỏi và bài tập. Không yêu cầu vẽ biểu đồ, GV hướng dẫn HS nhận xét.	
6	6	Bài 6. Thực hành: Đọc, phân tích lược đồ phân bố dân cư và các thành phố lớn	- Cùng cố cho HS kiến thức về phân bố dân cư châu Á. Vận dụng kiến thức phân tích mối quan hệ giữa tự nhiên với phân bố dân cư. - xác định vị trí của các thành phố lớn đông dân của châu Á. Những nơi tập trung đông dân, nơi thưa dân, phân tích bản đồ dân cư châu Á, bản đồ tự nhiên châu Á, tìm mối quan hệ địa lí giữa dân cư và tự nhiên, giải thích sự phân bố đó.	- Máy chiếu - Bản đồ dân cư và đô thị Châu Á.			
7	7	Ôn tập	- Hệ thống hóa các kiến thức cơ bản đã học về vị trí địa lí, tự nhiên, dân cư, xã hội châu Á. - Cùng cố kỹ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê về đặc điểm tự nhiên, dân cư châu Á, xác lập mối quan hệ địa lí				

			giữa các yếu tố tự nhiên, giữa tự nhiên với sự phân bố dân cư.				
8	8	Kiểm tra giữa kì I	- Nhằm đánh giá về kiến thức, kỹ năng ở 4 mức độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao của học sinh sau khi học từ bài 1 đến bài 6, điều chỉnh rút kinh nghiệm kịp thời quá trình dạy và học, góp phần hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất của học sinh. - xử lý số liệu, thông tin địa lí, tư duy tổng hợp kiến thức địa lí.	- Máy chiếu - Bảng TT		Không kiểm tra vào phần nội dung giảm tải.	
9, 10, 11	9-11	Bài 7- Bài 8. Chủ đề: Kinh tế châu Á.	- Giúp học sinh trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm phát triển kinh tế của các nước châu Á - Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế và nơi phân bố chủ yếu - Rèn kỹ năng phân tích biểu đồ, lược đồ và bảng số liệu về sản lượng khai thác than và dầu mỏ ở một số nước châu Á.	- Máy chiếu - Bảng TT - Bản đồ kinh tế Châu Á.	- GDKNS: Tư duy, giao tiếp, tự nhận thức..	- Bài 7: Vài nét về lịch sử phát triển của các nước châu Á (không dạy) Câu hỏi 2 phần câu hỏi và bài tập (không yêu cầu HS làm)	
12	12	Bài 9. Khu vực Tây Nam Á.	- Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội của khu vực Tây Nam Á.- Hiểu được vị trí chiến lược quan trọng của khu vực Tây Nam Á - Phân tích biểu đồ, lược đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế của khu vực Tây Nam Á.	- Máy chiếu - Bản đồ kinh tế xã hội khu vực Tây Nam Á	* <i>Giáo dục kỹ năng sống</i> : Tư duy, hợp tác, giao tiếp, tự tin, làm chủ bản thân...	GDTNMT&BDK H): Phần 2: Khai thác dầu gây cạn kiệt TN, ô nhiễm môi trường.	
13	13	Bài 10. Điều kiện tự nhiên của khu vực Nam Á.	- Biết đặc điểm vị trí địa lí, những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Nam Á, phân tích nhân tố địa hình ảnh hưởng rất lớn đến khí hậu của khu vực. - Phân tích ảnh địa lí, đọc lược đồ tự nhiên, lược đồ phân bố mưa.	- Máy chiếu - Bảng TT - Bản đồ tự nhiên khu vực Nam Á			
14	14	Bài 11. Dân cư và đặc điểm kinh tế khu vực Nam Á.	- Trình bày những đặc điểm nổi bật về dân cư, kinh tế của khu vực Nam Á. - Phân tích lược đồ phân bố dân cư, bảng số liệu, ảnh địa lí	- Máy chiếu - Bảng TT - Bản đồ kinh tế xã hội khu vực Nam Á	GD đạo đức: Niềm vui và hạnh phúc khi chất lượng c/sống được nâng cao.		

15	15	Ôn tập	- Hệ thống hóa lại một số kiến thức cơ bản đã học từ bài 7 đến bài 10. - Củng cố kỹ năng đọc, xác định, nhận xét, xử lý, phân tích kiến thức địa lí qua lược đồ, bản đồ.	- Máy chiếu			
16	16	Ôn tập	- Hệ thống hóa lại một số kiến thức cơ bản đã học từ bài 7 đến bài 13. - Củng cố kỹ năng đọc, xác định, nhận xét, xử lý, phân tích kiến thức địa lí qua lược đồ, bản đồ.	- Máy chiếu			
17	17	Kiểm tra cuối học kì I	- Nhằm đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức ở mức độ biết, hiểu, vận dụng kiến thức đã học trong chương trình học kì I. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học làm sao góp phần hình thành và phát triển các năng lực và phẩm chất đạo đức của HS. - Sử dụng lược đồ, xử lý thông tin số liệu.	Phôtô đề kiểm tra			
18	18	Bài 12. Đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á	- Nhận biết vị trí địa lí- giới hạn của khu vực Đông Á; Hiểu và trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Đông Á - Đọc và khai thác kiến thức từ bản đồ tự nhiên. - Đoàn kết, tôn trọng hòa bình, có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường tự nhiên, nguồn tài nguyên thiên nhiên.	- Máy chiếu - Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Á	GDKNS: Tư duy, giao tiếp, nhận thức, làm chủ bản thân. - GD: Phòng chống thiên tai trên sông Hoàng Hà là phá rừng, BĐ khí hậu → ảnh hưởng đến đời sống nhân dân Trung Quốc		

HỌC KÌ II

19	19	Bài 13: Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Đông Á.	- Trình bày đặc điểm nổi bật về dân cư, kinh tế - xã hội khu vực Đông Á - Phân tích bản đồ dân cư, kinh tế và bảng số liệu thống kê sgk.	- Máy chiếu - Bản đồ Kinh tế - xã hội khu vực Đông Á	- BDKH: Sự phát triển KT nhanh và mạnh của Nhật Bản, TQ → thải khí thải lớn gây ô nhiễm MT, BDKH trên TĐ.	Câu hỏi 2 phần câu hỏi và BT (Không yêu cầu HS làm)	
	20	Bài 14: Đông Nam Á – đất liền và đảo.	- Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực ĐNÁ: - Đọc và khai thác kiến thức từ bản đồ, lược đồ địa lí tự nhiên. Liên hệ giải thích một số đặc điểm tự nhiên về khí hậu nhiệt đới gió mùa, chế độ nước sông và rừng rậm nhiệt đới của khu vực.	- Máy chiếu - Bảng TT - Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á	GD GD phòng chống thiên tai do khí hậu		
20	21	Bài 15. Đặc điểm dân cư, xã hội Đông Nam Á.	- Nắm được một số đặc điểm dân cư, xã hội Đông Nam Á. Vận dụng kiến thức phân tích những thuận lợi, khó khăn của dân cư xã hội Đông Nam Á đối với sự phát triển kinh tế xã hội. - Đọc bản đồ, lược đồ các nước trong khu vực. Phân tích, so sánh bảng số liệu thống kê, sử dụng những tư liệu địa lí rút ra những nét tương đồng về tự nhiên, văn hóa, lịch sử trong khu vực.	- Máy chiếu - Bản đồ kinh tế xã hội khu vực Đông Nam Á.	- GDKNS: Tư duy, giao tiếp, nhận thức.. - GD dân số KHH-GD: Phần 1.		
	22	Bài 16. Đặc điểm kinh tế các nước Đông Nam Á.	- Nhận biết, hiểu và trình bày, giải thích được các đặc điểm kinh tế của Đông Nam Á, Vận dụng liên hệ thực tế Việt Nam. - Phân tích số liệu, đọc bản đồ, phân tích các mối liên hệ địa lí	- Máy chiếu - Bản đồ kinh tế xã hội khu vực Đông Nam Á.	- GDKNS. - GDBV TN - MT: Khai thác tài nguyên, phát triển KT gây cạn kiệt TN, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng phát triển KT bền vững.		
21	23	Bài 17. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (asean).	- Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), phân tích một số thuận lợi và thách thức đối với Việt Nam khi gia nhập hiệp hội ASEAN. - Phân tích tư liệu, số liệu, tranh ảnh để biết được sự ra đời và phát triển về số lượng và các thành viên của hiệp hội các nước ĐNÁ, mục tiêu hoạt động của hiệp hội.	- Máy chiếu - Bản đồ Hiệp hội các nước Đông Nam Á	- GDKNS: Tư duy, giao tiếp, làm chủ bản thân. - GD đạo đức: GD tinh thần tôn trọng hòa bình, đoàn kết quốc tế.		
	24	Bài 18: Thực hành: Tìm hiểu	- Tập hợp các tư liệu sử dụng chúng để tìm hiểu địa lí một quốc gia.	- Máy chiếu, Atlas địa lí Việt		- Mục 3: Điều kiện xã hội, dân	

		Lào và Campuchia.	Trình bày lại kết quả làm việc bằng văn bản (kênh chữ + kênh hình) về đặc điểm vị trí, giới hạn, các đặc điểm tự nhiên(địa hình, khí hậu, sông ngòi, cảnh quan, khoáng sản..) - Phân tích lược đồ, tập hợp tư liệu. Cách trình bày 1 văn bản.	Nam. - Bảng TT - Bản đồ hành chính Việt Nam.		cư và mục 4 Kinh tế (khuyến khích HS tự làm).	
		Bài 22: Việt Nam đất nước con người				Khuyến khích HS tự đọc	
22	25	Bài 23. Vị trí, giới hạn, hình dạng của lãnh thổ Việt Nam.	- Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn, phạm vi, đặc điểm lãnh thổ của nước ta, ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta về mặt tự nhiên, kinh tế - xã hội. Rèn kĩ năng sử dụng bản đồ, lược đồ khu vực Đông Nam Á, bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam để xác định và nhận xét vị trí địa lí, giới hạn hình dạng lãnh thổ của Việt Nam.	- Máy chiếu, Atlas địa lí Việt Nam. - Bảng TT - Bản đồ hành chính Việt Nam.	- GD đạo đức: Tinh yêu quê hương đất nước, trách nhiệm công dân trong bảo vệ và XD đất nước		
	26	Bài 24. Vùng biển Việt Nam	- Nhận biết diện tích của biển Đông và vùng biển của nước ta. Hiểu và trình bày 1 số đặc điểm của vùng biển của nước ta. - Sử dụng bản đồ khu vực ĐNÁ và bản đồ tự nhiên Việt Nam để xác định vị trí, giới hạn, phạm vi và 1 số đặc điểm của biển Đông Việt Nam.	- Máy chiếu - Bảng TT - Bản đồ khu vực Biển Đông	GD KNS: Tư duy, giao tiếp, nhận thức, làm chủ bản thân. - GDANQP: Những cơ sở pháp lí của nhà nước để khẳng định chủ quyền của VN đối với biển Đông và 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.		
		Bài 25. Lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam				Khuyến khích HS tự đọc	
23	27	Bài 26. Đặc điểm tài nguyên khoáng sản Việt Nam	- Nhận biết nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú đa dạng nhưng phần lớn có trữ lượng vừa và nhỏ. Nắm được một số khoáng sản có trữ lượng lớn và sự phân bố các mỏ, các loại khoáng sản chủ yếu của nước ta, nguyên nhân làm cạn kiệt nhanh chóng 1 số tài nguyên của nước	- Máy chiếu - Bảng TT - Bản đồ khoáng sản Việt Nam.	- GD đạo đức: Ý thức trách nhiệm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn K/sản và bảo vệ tài nguyên, cấm khai thác bừa bãi.	Mục 2. Sự hình thành các mỏ khoáng sản chính của nước ta (không dạy). Câu 3: phân câu hỏi và	

			ta.Vận dụng kiến thức liên hệ thực tế nguồn tài nguyên khoáng sản với địa phương (Quảng Ninh). - Đọc bản đồ khoáng sản Việt Nam, nhận xét, Xác định sự phân bố các mỏ khoáng sản ở nước ta.			bài tập (không yêu cầu HS làm).	
		Bài 27 . Thực hành: Đọc bản đồ Việt Nam (Phần hành chính và khoáng sản)				Khuyến khích HS tự làm	
	28	Bài 28 – 30.	- Giúp học trình bày và giải thích đặc điểm chung của địa hình Việt Nam. - Nêu được vị trí, đặc điểm cơ bản của khu vực đồi núi, khu vực đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa. - Sử dụng lược đồ, xử lí thông tin số liệu.	- Máy chiếu - Bảng TT - Bản đồ địa hình Việt Nam	- GDKNS: Tư duy, giao tiếp, làm chủ bản thân. - GD QP và AN: Giới thiệu các cột mốc chủ yếu trên đất liền, tọa độ trên biển (ND4).		
24	29	Chủ đề: Địa hình					
	30						
25	31	- Nội dung 1: Đặc điểm địa hình Việt Nam - Nội dung 2 : Đặc điểm các khu vực địa hình Việt Nam(Khu vực đồi núi) - Nội dung 3: Đặc điểm các khu vực địa hình Việt Nam(Khu vực đồng bằng + Địa hình bờ biển và thềm lục địa) - Nội dung 4: Thực hành: Đọc bản đồ địa hình Việt Nam					
	32	Ôn tập	- củng cố và khắc sâu một số kiến thức cơ bản đã	- Máy chiếu			

			học từ đầu học kì II đến nay (từ bài 13 đến bài 18). - Hệ thống hóa kiến thức, xử lí thông tin số liệu, phân tích biểu đồ, đọc lược đồ địa lí.	- Bảng TT			
26	33	Ôn tập	- Củng cố và khắc sâu một số kiến thức cơ bản đã học từ đầu học kì II đến nay (từ bài 23 đến bài 26). - Hệ thống hóa kiến thức, xử lí thông tin số liệu, phân tích biểu đồ, đọc lược đồ địa lí.	- Máy chiếu - Bảng TT			
	34	Bài 31. Đặc điểm khí hậu Việt Nam.	- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam (2 đặc điểm chính của khí hậu Việt Nam) - Đọc và phân tích bản đồ khí hậu. Phân tích về nhiệt độ, lượng mưa của một số địa điểm.	Máy chiếu, tranh ảnh - Bản đồ khí hậu Việt Nam	- GDKNS: Tư duy, giao tiếp, làm chủ bản thân. Tự nhận thức. - BDKH		
27	35	Kiểm tra giữa kì II	-Nhằm đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức ở mức độ biết, hiểu, vận dụng kiến thức đã học trong chương trình học kì II.Điều chỉnh kịp thời phương pháp dạy và học, góp phần hình thành và phát triển năng lực và phẩm của học sinh. - Trình bày bài, tính toán, xử lí thông tin địa lí, giải quyết tình huống thực tiễn.	Phôtô đề			
	36	Bài 32. Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta.	- Nhận biết những nét đặc trưng về khí hậu và thời tiết của mùa gió đông bắc, Mùa gió Tây Nam.Trình bày và phân tích được sự khác biệt về khí hậu, thời tiết của 3 miền: Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ của nước ta.Vận dụng kiến thức vào thực tế địa phương liên hệ những thuận lợi - khó khăn do khí hậu mang lại đối với đời sống và sản xuất của nhân dân ta. - Phân tích bảng số liệu về nhiệt độ, lượng mưa của một số địa điểm.	Máy chiếu, tranh ảnh - Bản đồ khí hậu Việt Nam	-GD:BDKH và phòng chống thiên tai.		
28	37						
	38	Bài 33. Đặc điểm sông ngòi Việt Nam.	- Trình bày và giải thích được những đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam. Nêu được những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với đời sống, sản xuất và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước sông trong sạch. - Sử dụng bản đồ tự nhiên, lược đồ.Phân tích, tư duy, tự tin, hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề.	Máy chiếu - Bản đồ sông ngòi Việt Nam.	GD đạo đức: Ý thức bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông, phục vụ phát triển KT bền vững.		

29	39	Bài 34. Các hệ thống sông lớn ở nước ta.	- Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, về mùa lũ của sông ngòi Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Biết một số hệ thống sông lớn ở nước ta. - Sử dụng BĐ Địa lí TN, lược đồ, phân tích bảng số liệu, bảng thống kê, Vẽ biểu đồ.	- Máy chiếu - Bản đồ sông ngòi Việt Nam.	- GDKNS: Tư duy, giao tiếp, làm chủ bản thân. Tự nhận thức. - GD: Bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.		
	40	Bài 35. Thực hành về khí hậu, thủy văn Việt Nam.	- củng cố các kiến thức về khí hậu – thủy văn Việt Nam thông qua. - Rèn luyện về kĩ năng vẽ biểu đồ, kĩ năng xử lý và phân tích số liệu khí hậu – thủy văn.	Máy chiếu,			
30	41	Bài 36. Đặc điểm đất Việt Nam.	- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của đất Việt Nam. Nắm được đặc tính, sự phân bố và giá trị kinh tế của các nhóm đất chính ở nước ta. Nêu được một số vấn đề lớn trong sử dụng và cải tạo đất ở Việt Nam. - Chỉ và phân tích trên bản đồ 3 nhóm đất chính của Việt Nam.	- Máy chiếu - Bảng TT - Bản đồ đất Việt Nam.	- GD: sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, cải tạo đất.		
	42	Bài 37. Đặc điểm sinh vật Việt Nam.	- Trình bày được đặc điểm chung của tài nguyên sin vật nước ta, hiểu và giải thích được nguyên nhân của sự giàu có về thành phần loài sinh vật nước ta hiện nay. Nắm được các kiểu hệ sinh thái rừng ở nước ta và phân bố của chúng. - Đọc và phân tích bản đồ sinh vật Việt Nam, phân tích bảng số liệu về diện tích rừng.	- Máy chiếu - Bảng TT	- GD đạo đức: Tình yêu thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên. - Bảo vệ môi trường hệ sinh thái góp phần PT kinh tế, phòng chống biến đổi khí hậu.		
31	43, 44	Bài 38. Bảo vệ tài nguyên sinh vật Việt Nam.	- thấy được vai trò, giá trị của tài nguyên sinh vật đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân ta. Số lượng, chất lượng, nguyên nhân của sự suy giảm và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật ở Việt Nam. - Phân tích tranh ảnh, bản đồ.	Máy chiếu	- GDKNS: Tư duy, giao tiếp, làm chủ bản thân. Tự nhận thức. - GD đạo đức: Nhận thức được việc sử dụng tiết kiệm, ý thức bảo vệ tài nguyên sinh vật góp phần bảo vệ môi trường chống biến đổi khí hậu.		
		Bài 39: Đặc điểm chung				Hướng dẫn HS tự học	

		của tự nhiên Việt Nam.					
32	45	Bài 40: Thực hành: Đọc lát cắt địa lí tự nhiên tổng hợp.	- Củng cố kiến thức địa lí cơ bản về địa lí tự nhiên Việt Nam: địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật, đất ...Hiểu được sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên (đồi, núi, cao nguyên, đồng bằng,...) theo một tuyến cắt cụ thể dọc dãy Hoàng Liên Sơn: từ Lào Cai → Thanh Hóa. - Đọc, phân tích lát cắt;phân tích được mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành phần tự nhiên: địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thực vật...	- Máy chiếu - Át lát Địa lý Việt Nam	GD KNS: Tư duy, giao tiếp, giải quyết vấn đề...		
	46	Bài 41. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.	- HS Xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ,nắm được các đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí tự nhiên của miền.Ôn tập một số kiến thức đã học về hoàn lưu gió mùa, cấu trúc địa hình (tự nhiên, nhân tạo) - Chỉ bản đồ, lát cắt địa lí, bảng số liệu thống kê.	- Máy chiếu - Bản đồ tự nhiên Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ			
33	47	Bài 42. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.	- Xác định vị trí giới hạn của miền trên bản đồ. Nắm được các đặc điểm tự nhiên nổi bật (khí hậu,địa hình,tài nguyên). - Rèn kĩ năng phân tích bản đồ, biểu đồ, các mối liên hệ địa lí.	- Máy chiếu - Bản đồ tự nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.	- GD: BDKH và PCTT	Học cả bài	
	48	Bài 43. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.	- Xác định vị trí giới hạn của miền trên bản đồ. Nắm được các đặc điểm tự nhiên nổi bật(Địa hình khí hậu,tài nguyên) của vùng. - Rèn luyện cho Hs kỹ năng phân tích so sánh với 2 miền địa lí đã học.Phân tích bản đồ, biểu đồ, các mối liên hệ địa lí.	- Máy chiếu - Bản đồ tự nhiên miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.	GDKNS: Tư duy, giao tiếp, làm chủ bản thân. Tự nhận thức. - GD: BDKH và PCTT.	Học cả bài	
34	49	Ôn tập	- Hệ thống hóa lại một số kiến thức cơ bản từ bài 28 đến bài 35. - Củng cố kĩ năng đọc, xác định, nhận xét, xử lí, phân tích kiến thức địa lí qua lược đồ,bản đồ.				
	50	Ôn tập	- Hệ thống hóa lại một số kiến thức cơ bản từ bài 36 đến bài 43. - Củng cố kĩ năng đọc, xác định, nhận xét, xử lí, phân tích kiến thức địa lí qua lược đồ, bản đồ.				
35	51	Kiểm tra học	- Nhằm đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức ở	Đề và giấy			

		kỳ II.	mức độ biết, hiểu, vận dụng kiến thức đã học trong chương trình học kỳ II. - Sử dụng lược đồ, xử lý thông tin số liệu.	kiểm tra của trường			
	52	Bài 44. Thực hành: Tìm hiểu địa lí địa phương. (gồm: Tên địa điểm, vị trí địa lí, lịch sử phát triển, vai trò ý nghĩa đối với địa phương).	- Biết sử dụng kiến thức của các môn Lịch sử, Địa lí để tìm hiểu địa lí địa phương, giải thích hiện tượng, sự vật cụ thể. - Nắm vững quy trình nghiên cứu, tìm hiểu một địa điểm cụ thể. - Rèn kĩ năng điều tra, thu thập thông tin, phân tích thông tin, viết báo cáo trình bày thông tin qua hoạt động thực tế với nội dung đã được xác định.	Thước dây ,bút dạ...			

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC NĂM HỌC 2020 – 2021
MÔN : ĐỊA LÝ 9

(Ban hành theo kế hoạch số : 96/KH-THCSYD ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng trường THCS Yên Đức)

Cả năm: 35 tuần = 52 tiết
Học kì I: 18 tuần (2 tiết/tuần = 35 tiết)
Học kì II: 17 tuần (1 tiết/tuần = 17 tiết)

HỌC KÌ I

STT	Tiết	Chương/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Nội dung GD tích hợp	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
1	1	Bài 1. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam.	- Nêu được một số đặc điểm dân tộc nước ta. Biết được các dân tộc có trình độ phát triển kinh tế khác nhau, chung sống đoàn kết, cùng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trình bày được sự phân bố các dân tộc ở nước ta. - Phân tích bảng số liệu, biểu đồ về số dân phân theo thành phần dân tộc, thu thập thông tin về một dân tộc (số dân, đặc điểm về một phong tục, tập quán, trang phục, nhà ở, kinh nghiệm sản xuất, địa bàn phân bố chủ yếu...)	- Máy chiếu. Hoặc - Bản đồ dân cư Việt Nam	GD đạo đức: trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, hòa bình.		
	2	Bài 2. Dân số và gia tăng dân số.	-Trình bày được một số đặc điểm dân số nước ta; nguyên nhân và hậu quả của tăng dân số nhanh. - Vẽ và phân tích biểu đồ dân số, bảng số liệu về cơ cấu dân số Việt Nam.	- Máy chiếu. Hoặc - Bản đồ dân cư Việt Nam.	- Phần II: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH-BVMT	i	
2	3	Bài 3. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.	- Trình bày được tình hình phân bố dân cư nước ta. Phân biệt được các loại hình quần cư nông thôn và thành thị theo chức năng và hình thái quần cư. Nhận biết quá trình đô thị hóa ở nước ta. - Sử dụng bản đồ, lược đồ phân bố dân cư và đô thị	- Máy chiếu. Hoặc - Bản đồ dân cư Việt Nam	- Phần I: GDĐĐ: - Phần II: Mục 1 và mục 2: GDĐĐ: Sẵn sàng hợp tác tham gia các hoạt động vừa sức trong việc		

			hoặc Át lát địa lí Việt Nam để nhận biết sự phân bố dân cư, đô thị ở nước ta. Phân tích bảng số liệu về mật độ dân số của các vùng, số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở nước ta.		xây dựng nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư như: giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh nơi ở, bảo vệ cảnh quan môi trường.		
	4	Bài 4.Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống.	- Trình bày được đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta. Biết được sức ép của dân số đối với việc giải quyết việc làm. Trình bày được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở nước ta. - Phân tích biểu đồ, số liệu cơ cấu lao động phân theo thành thị, nông thôn, theo đào tạo; cơ cấu sử dụng theo ngành; cơ cấu sử dụng lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta.	-Máy chiếu	- Phần I: Mục 1: GDĐĐ: Ý thức trách nhiệm, tự giác học tập để trở thành người lao động năng động, sáng tạo. - Phần II: GDĐĐ: Rèn luyện học sinh lập kế hoạch rèn luyện những hành vi thể hiện tính siêng năng, - Phần III: GDBVMT:Chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam của người dân chưa cao một phần do môi trường sống còn có nhiều hạn chế.		
3	5	Bài 5.Thực hành: phân tích và so sánh tháp dân số năm 1989 và năm 1999.	- Hiểu và trình bày được sự thay đổi và xu hướng thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta là ngày càng già đi. Vận dụng kiến thức xác định mối quan hệ giữa gia tăng dân số với cơ cấu dân số theo độ tuổi, giữa dân số và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. - Rèn luyện, củng cố và hình thành ở mức độ cao kĩ năng đọc và phân tích và so sánh tháp dân số để giải thích các xu hướng thay đổi cơ cấu theo tuổi. Những thuận lợi và khó khăn, giải pháp trong chính sách dân số.	Máy chiếu	GD KNS		
	6	Bài 6. Sự phát	- Trình bày sơ lược quá trình phát triển nền kinh tế	Máy chiếu	- Phần củng cố: GDĐĐ:	Mục 1 Nên	

		triển của nền kinh tế Việt Nam.	Việt Nam. Thấy được chuyển dịch cơ cấu kinh tế là nét đặc trưng của công cuộc đổi mới. - Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê để nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta. Đọc bản đồ, lược đồ các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm để nhận biết vị trí các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm của nước ta.		Có trách nhiệm học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật, tu dưỡng đạo đức,. - Phần II: Mục 2:GDBVMT: Biết việc khai thác tài nguyên quá mức, MT bị ô nhiễm	kinh tế nước trước thời kỳ đổi mới. (khuyến khích HS tự học)	
4	7	Chủ đề: Ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp <i>Nội dung1: Các nhân tố ảnh hưởng phát triển và phân bố nông nghiệp..</i>	- Phân tích được các nhân tố tự nhiên, kinh tế- xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp. Trình bày được tình hình phát triển và phân bố của sản xuất nông nghiệp. - Trình bày được thực trạng và phân bố ngành lâm nghiệp của nước ta; vai trò của từng loại rừng. Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành thủy sản. - Phân tích bản đồ bảng số liệu, biểu đồ, lược đồ nông – lâm- thủy sản hoặc Átlát địa lí Việt Nam. Vẽ và phân tích biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu nông- lâm- thủy sản, tình hình tăng trưởng của đàn gia súc gia cầm ở nước ta.	- Máy chiếu - Lược đồ nông nghiệp Việt Nam. - Lược đồ Nông lâm và thủy sản	-Bài 7: Phần I: Mục 2: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH- BVMT: - Bài 8: Phần I: Mục 2: GDBVMT: Biết ảnh hưởng của việc phát triển nông nghiệp tới môi trường; trồng cây công nghiệp, phá thế độc canh là một trong những biện pháp BVMT. - Bài 9: Phần I: Mục 1: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH- BVMT: Tài nguyên rừng ở nước ta đang bị cạn kiệt. Suy giảm tài nguyên rừng sẽ ảnh hưởng tới môi trường và đời sống nhân dân. Bảo vệ và trồng rừng là một trong những biện pháp góp phần giảm nhẹ BĐKH.	Bài 9: Câu 3 phần câu hỏi và bài tập. Thay đổi yêu cầu thành vẽ biểu đồ cột.	
	8	<i>Nội dung 2: Sự phát triển và phân bố của sản xuất nông nghiệp.</i>					
5	9	<i>Nội dung 3: Sự phát triển và phân bố Lâm nghiệp.</i>					
	10	<i>Nội dung 4: Sự phát triển và phân bố Thủy Sản.</i> <i>Nội dung 5: Thực hành</i>					
6	11						
	12	Bài 11.Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và	- Phân tích các nhân tố tự nhiên, kinh tế- xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta.	Máy chiếu.	- Phần I: GDBVMT: Nhận xét nguồn tài nguyên khoáng sản trên		

		phân bố công nghiệp.	- Đánh giá ý nghĩa kinh tế của các tài nguyên thiên nhiên. Sơ đồ hoá các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. Biết vận dụng kiến thức đã học để giải thích một hiện tượng địa lí kinh tế.		bản đồ địa chất- khoáng sản Việt Nam.		
7	13	Bài 12.Sự phát triển và phân bố công nghiệp	- Trình bày được tình hình phát triển và một số thành tựu của sản xuất công nghiệp. Biết sự phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm. - Đọc và phân tích biểu đồ cơ cấu công nghiệp. Đọc và phân tích bản đồ công nghiệp hoặc Atlas địa lí Việt Nam để thấy rõ sự phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm, các trung tâm công nghiệp ở nước ta.	- Máy chiếu - Bản đồ công nghiệp Việt Nam.	-Phần I: GDĐĐ: - Phần II: GDĐĐ: Ý thức sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên khoáng sản. - Phần II: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH-BVMT:	- Mục II: Các ngành Công nghiệp trọng điểm. Phần 3. Một số ngành công nghiệp nặng (không dạy). Câu 3: Một số ngành công nghiệp trọng điểm (không yêu cầu HS làm)	
	14	Bài 13.Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của dịch vụ.	- Biết được cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ ở nước ta. Biết được đặc điểm phân bố các ngành dịch vụ nói chung. Trình bày được tình hình phát triển và phân bố của một số ngành dịch vụ. - Phân tích sơ đồ, biểu đồ giao thông.	-Máy chiếu			
8	15	Bài 14.Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	- Biết đặc điểm phân bố các mạng lưới và các đầu mối GTVT chính của nước ta cũng như các bước tiến mới trong GTVT. Hiểu các thành tựu to lớn của ngành bưu chính viễn thông và tác động của bước tiến này đến đời sống kinh tế - xã hội. - Xác định trên bản đồ một số tuyến đường giao thông quan trọng, một số sân bay, bến cảng lớn.Biết đọc và phân tích biểu đồ GTVT nước ta. Biết phân tích mối quan hệ giữa sự phân bố mạng lưới giao thông vận tải tới sự phân bố các ngành kinh tế khác. + Năng lực sử dụng tranh ảnh Địa lí	Máy chiếu. Hoặc - Bản đồ giao thông vận tải và du lịch Việt Nam.	- Phần I: GDĐĐ: Học sinh phải có ý thức trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông, và ý thức bảo vệ môi trường.Có trách nhiệm thực hiện tốt luật an toàn giao thông - GD ANQP: Cho ví dụ về giao thông vận tải và BCVT gắn với ANQP.		

	16	Ôn tập	- Củng cố kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài 8. Vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn để nhận xét, phân tích và giải thích được nguyên nhân về các vấn đề địa lí dân cư và các ngành kinh tế Việt Nam. - Vẽ, nhận xét, phân tích các dạng biểu đồ hình: tròn, cột bảng số liệu và giải thích nguyên nhân về các vấn đề địa lí đã học.	Máy chiếu			
9	17	Ôn tập	- Củng cố kiến thức cơ bản từ bài 9 đến bài 16. Vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn để nhận xét, phân tích và giải thích được nguyên nhân về các vấn đề địa lí dân cư và các ngành kinh tế Việt Nam. - Vẽ, nhận xét, phân tích các dạng biểu đồ hình: miền, đường, bảng số liệu và giải thích nguyên nhân về các vấn đề địa lí đã học.	Máy chiếu			
	18	Bài 15. Thương mại và du lịch.	- Biết được các đặc điểm phát triển và phân bố của ngành thương mại và du lịch ở nước ta. Hiểu được những tiềm năng du lịch và ngành du lịch đang trở thành ngành kinh tế quan trọng. - Đọc và phân tích các biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh.	-Máy chiếu Hoặc - Bản đồ giao thông vận tải và du lịch Việt Nam.	- Phần I: GDĐĐ: Rèn luyện tính trung thực, tinh thần hợp tác với bạn bè trong học tập và mọi công việc. - Phần II: GDĐĐ: Giáo dục lòng tự hào, yêu quý gìn giữ và bảo vệ tài nguyên du lịch đất nước		
10	19	Kiểm tra giữa kì I	- Đánh giá kết quả học tập của học sinh từ bài 1 đến bài 16 ở các mức độ: biết, hiểu, vận dụng kiến thức. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học góp phần hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất đạo đức của học sinh. - Vẽ, nhận xét biểu đồ dựa vào bảng số liệu thống kê, phát triển năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.	Đề, đáp án, biểu điểm			
	20	Bài 16. Thực hành: Vẽ biểu đồ về sự thay đổi cơ	- Củng cố những kiến thức cơ bản đã học về cơ cấu kinh tế theo ngành của nước ta. - Vẽ, nhận xét biểu đồ miền thể hiện cơ cấu kinh tế.	- Máy chiếu. - Thước.			

		cầu kinh tế					
11	21	Bài 17. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	- Nhận biết được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của vùng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội. - Xác định trên bản đồ, lược đồ vị trí địa lí, giới hạn của các vùng. Phân tích bản đồ (lược đồ) và các bảng số liệu thống kê để biết được đặc điểm tự nhiên, dân cư của vùng.	-Máy chiếu - Bản đồ tự nhiên vùng Trung du miền núi Bắc Bộ	- Phần II: GDĐĐ: Trách nhiệm bảo vệ môi trường - Phần III: GDĐĐ: Nâng cao nhận thức về trách nhiệm tôn trọng giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc - Phần II: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH-BVMT:		
	22	Bài 18. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (tiếp theo)	- Trình bày được thể mạnh kinh tế của vùng, thể hiện ở một số ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp; sự phân bố của các ngành đó. Nêu được các trung tâm kinh tế và các ngành kinh tế của từng trung tâm. - Phân tích các bản đồ kinh tế hoặc Atlas địa lí Việt Nam, các bảng số liệu để hiểu và trình bày đặc điểm tình hình phát triển kinh tế.	-Máy chiếu - Bản đồ kinh tế vùng Trung du miền núi Bắc Bộ	-Phần IV: Mục 1 và mục 2: GDĐĐ : Giáo dục tình yêu quê hương đất nước, ý thức bảo vệ môi trường + Mục 3: GDĐĐ: Giáo dục ý thức bảo vệ di sản.		
		Bài 19: Đọc bản đồ, phân tích và đánh giá ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đối với phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ				Không yêu cầu HS làm	
12	23	Bài 20. Vùng Đồng bằng sông Hồng	- Nhận biết vị trí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của vùng đối với việc phát triển kinh tế- xã hội. Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn của tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế tự nhiên- xã hội. Trình bày đặc điểm dân cư,	-Máy chiếu - Bản đồ tự nhiên Đồng Bằng sông Hồng	- Tích hợp GD ứng phó với BĐKH- BVMT - Biết một số loại tài nguyên của vùng, quan trọng nhất là đất; việc sử dụng đất tiết kiệm,		

			xã hội và những thuận lợi khó khăn đối với sự phát triển kinh tế xã hội. - Xác định trên bản đồ, lược đồ, vị trí, giới hạn của vùng. Phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê về tự nhiên dân cư xã hội của vùng.		hợp lý và bảo vệ đất khỏi bị ô nhiễm là một trong những vấn đề trọng tâm của vùng Đồng bằng sông hồng. Biết ảnh hưởng của mức độ tập trung dân cư đông đúc tới MT: Thời tiết diễn biến thất thường, hiện tượng rét đậm, rét hại.		
	24	Bài 21. Vùng Đồng bằng sông Hồng (tiếp theo)	- Trình bày được tình hình phát triển kinh tế, nêu được tên các trung tâm kinh tế. Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. - Sử dụng bản đồ, lược đồ kinh tế hoặc Atlas địa lí Việt Nam thể thấy rõ sự phát triển các ngành kinh tế của vùng.	-Máy chiếu - Bản đồ kinh tế vùng Đồng Bằng sông Hồng			
13	25	Bài 22. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người	- củng cố kiến thức đã học về vùng đồng bằng sông Hồng. - Vẽ biểu đồ trên cơ sở xử lí bảng số liệu. Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người.	-Máy chiếu			
	26	Bài 23. Vùng Bắc Trung Bộ	- Nhận biết về vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và những thuận lợi, khó khăn của tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội. Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn của dân cư, xã hội đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng. - Xác định trên bản đồ, lược đồ vị trí địa lí, giới hạn của vùng. Phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê để	-Máy chiếu - Bản đồ tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ.	- Phần II: GDĐĐ: Có tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, lòng nhân ái. - Phần III: GDĐĐ: Học tập được đức tính đoàn kết, hợp tác, yêu thương biết vượt qua mọi khó khăn để vươn lên trong cuộc sống của người		

			hiểu và trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư xã hội của vùng.		dân miền Trung. - Phần II: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH: Thiên tai thường xuyên xảy ra, gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống nhân dân. Cần có biện pháp phòng chống và ứng phó với thiên tai.		
14	27	Bài 24. Vùng Bắc Trung Bộ (tiếp theo)	- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất chủ yếu của vùng. Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn và chức năng chủ yếu của từng trung tâm. - Sử dụng bản đồ, lược đồ kinh tế hoặc Atlas địa lí Việt Nam, phân tích bảng số liệu thống kê để thấy rõ sự phát triển các ngành sản xuất chủ yếu của vùng.	-Máy chiếu - Bản đồ kinh tế vùng Bắc Trung Bộ.	- Phần IV: Mục 1: GDBVMT: Biết một số loại tài nguyên của vùng, quan trọng nhất là rừng; chương trình trồng rừng, xây dựng hệ thống hồ chứa nước đã góp phần giảm nhẹ thiên tai và BVMT.		
	28	Bài 25. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ	- Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. Trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng; những thuận lợi, khó khăn của tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội. Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn của dân cư, xã hội đối với phát triển kinh tế - xã hội. của vùng. - Xác định được trên bản đồ, lược đồ vị trí địa lí, giới hạn của vùng. Phân tích bảng số liệu thống kê để biết được đặc điểm tự nhiên, dân cư của vùng.	-Máy chiếu - Bản đồ tự nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.	- Phần I: GDĐĐ: Lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước bằng các việc làm cụ thể - Phần II: GDĐĐ: Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, ý thức phòng chống thiên tai thường xuyên xảy ra gây thiệt hại lớn cho đời sống và sản xuất. - Phần III: GDĐĐ: Giáo dục ý thức bảo vệ di sản.		
15	29	Bài 26.	:- Trình bày được một số ngành kinh tế tiêu biểu của	-Máy chiếu	GD ứng phó với biến		

		Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (tiếp theo)	vùng. Nêu được tên các trung tâm kinh tế chính. Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. - Sử dụng bản đồ, lược đồ kinh tế hoặc Atlas địa lý Việt Nam, phân tích các bảng số liệu thống kê để hiểu và trình bày tình hình phát triển một số ngành kinh tế chủ yếu của vùng.	- Bản đồ kinh tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.	đổi KH trong mục II (liên hệ). GD đạo đức: trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, yêu thương, hạnh phúc.		
	30	Bài 27 Thực hành: Kinh tế biển của Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.	- củng cố sự hiểu biết về cơ cấu kinh tế biển ở cả 2 vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ (gọi chung là Duyên hải miền Trung) bao gồm hoạt động của các hải cảng, nuôi trồng, đánh bắt hải sản, nghề muối và chế biến thủy sản xuất khẩu, du lịch và dịch vụ biển. - Tiếp tục hoàn thiện phương pháp đọc bản đồ, phân tích số liệu thống kê, liên kết không gian kinh tế Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.	- Máy chiếu Hoặc - Bản đồ tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ. - Bản đồ kinh tế vùng Bắc Trung Bộ. - Bản đồ tự nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ - Bản đồ kinh tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ			
16	31	Bài 28. Vùng Tây Nguyên	- Nhận biết vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. Trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng; những thuận lợi, khó khăn của tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội. Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn của dân cư, xã hội đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng. - Xác định được trên bản đồ tự nhiên và bản đồ kinh tế về vị trí địa lý, giới hạn của vùng. Phân tích bảng số liệu thống kê để biết được đặc điểm tự nhiên, dân cư của vùng.	- Máy chiếu - Bản đồ tự nhiên vùng Nam Trung Bộ.	- Phần II: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH-BVMT		
	32	Bài 29. Vùng Tây Nguyên(tiếp theo)	- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành kinh tế chủ yếu của vùng. Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn với các chức năng chủ yếu của	- Máy chiếu. Hoặc - Bản đồ kinh tế	GD KNS, GD ứng phó với biến đổi KH		

			tùng trung tâm. - Xác định được trên bản đồ các vùng trung tâm kinh tế sự phân bố của một số cây công nghiệp(cà phê, cao su, chè) Phân tích các bản đồ kinh tế vùng Tây Nguyên hoặc Atlas địa lí Việt Nam và bảng số liệu thống kê để biết tình hình phát triển một số ngành sản xuất chủ yếu của vùng.	vùng Tây Nguyên			
17	33	Bài 30. Thực hành. So sánh tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.	- Phân tích và so sánh được tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở hai vùng: Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên về đặc điểm, những thuận lợi và khó khăn các giải pháp phát triển bền vững. - Sử dụng bản đồ, phân tích số liệu thống kê, viết và trình bày bằng văn bản (đọc trước lớp)	- Máy chiếu			
	34	Ôn tập	- củng cố kiến thức cơ bản về địa lí dân cư, kinh tế và sự phân hóa lãnh thổ (2 vùng: Trung du và miền núi Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng). - củng cố kĩ năng đọc, sử dụng, nhận xét, phân tích các lược đồ, biểu đồ, bảng số liệu. Kĩ năng vẽ các dạng biểu đồ.	- Máy chiếu			
18	35	Kiểm tra cuối học kì I	- Nhằm đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức ở các mức độ biết, hiểu, vận dụng kiến thức sau khi học xong chương trình học kì I. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học, góp phần hình thành và phát triển các năng lực và phẩm chất đạo đức của HS. - Trình bày, xử lí thông tin, số liệu kiến thức địa lí, vẽ và nhận xét biểu đồ.				

HỌC KÌ II

19	36	Bài 31. Vùng Đông Nam bộ.	- Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. Trình bày được đặc điểm dân cư xã hội của vùng và tác động của chúng tới sự phát triển kinh tế- xã hội. - Xác định được trên bản đồ lược đồ vị trí, giới hạn của vùng. Phân tích bản đồ, lược đồ địa lí tự nhiên hoặc Atlas địa lí Việt Nam, bảng số liệu thống kê để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư của vùng.	- Máy chiếu - Bản đồ tự nhiên vùng Đông Nam Bộ	- Phần II: GDĐĐ: Giáo dục ý thức bảo vệ, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên môi trường. - Phần III: GDĐĐ: Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa để phát triển du lịch: - Phần II: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH-BVMT		
20	37	Bài 32. Vùng Đông Nam bộ (tiếp theo).	- Trình bày đặc điểm phát triển của ngành công nghiệp. Nêu tên các trung tâm kinh tế lớn. - Xác định được trên bản đồ các trung tâm kinh tế lớn, vùng kinh tế trọng điểm phía nam. Phân tích bản đồ kinh tế vùng Đông nam bộ hoặc Atlas địa lí Việt Nam và bảng số liệu thống kê để biết đặc điểm, tình hình phát triển một số ngành kinh tế của vùng.	- Máy chiếu - Hoặc - Bản đồ kinh tế vùng Đông Nam Bộ	- Phần IV: Mục 1 và mục 2: GDĐĐ: Giáo dục lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước. - Phần IV: Mục 1 và Mục 2: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH		
21	38	Bài 33. Vùng Đông Nam bộ (tiếp theo).	- Trình bày được đặc điểm phát triển của ngành dịch vụ. Nêu tên các trung tâm kinh tế lớn của vùng. Nhận biết được vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. - Xác định trên bản đồ các trung tâm kinh tế lớn và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Phân tích bản đồ, lược đồ, Atlas địa lí để biết tình hình phát triển và phân bố một số ngành dịch vụ của vùng.	- Máy chiếu - Bản đồ kinh tế vùng Đông Nam Bộ	- Phần IV: Mục 3: GDĐĐ: Giáo dục lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước, từ đó có ý thức trách nhiệm, đoàn kết rèn luyện tu dưỡng đạo đức, tri thức trong học tập. Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên, bảo vệ di sản.		
		Bài 34: Thực				Hướng dẫn	

		hành: Phân tích một số ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ				học sinh tự làm	
22	39	Bài 35. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	- Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của vùng đối với sự phát triển kinh tế- xã hội. Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với phát triển kinh tế -xã hội. Trình bày được đặc điểm dân cư - xã hội và tác động của chúng tới sự phát triển kinh tế của vùng. - Xác định vị trí giới hạn của vùng trên bản đồ. Phân tích lược đồ địa lí tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu long hoặc Alat địa lí Việt Nam và bảng số liệu thống kê để trình bày đặc điểm dân cư xã hội của vùng.	Máy chiếu. Hoặc - Bản đồ tự nhiên vùng Bằng Sông Cửu Long.	- Phần II: GDĐĐ:Biện pháp phòng chống tránh và ứng phó thích nghi với biến đổi khí hậu. - Phần III: GDĐĐ: Giáo dục cho HS lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước, từ đó có ý thức trách nhiệm, đoàn kết rèn luyện tu dưỡng đạo đức, tri thức trong học tập.		
23	40	Bài 36. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long <i>(tiếp theo)</i>	- Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế của vùng. Nêu tên các trung tâm kinh tế lớn của vùng. - Chỉ và phân tích bản đồ, lược đồ địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế, bảng số liệu thống kê để trình bày đặc điểm kinh tế của vùng.	Máy chiếu. Hoặc - Bản đồ kinh tế vùng Bằng Sông Cửu Long.	- Phần IV: Mục 1: GDĐĐ: Giáo dục ý thức trách nhiệm trong sử dụng hợp lí và cải tạo tài nguyên (đất, nước...) Học tập rèn luyện để nâng cao tri thức, nghirn cứu khoa học tìm ra các giải pháp vấn đề cải tạo đất mặn.		
24	41	Bài 37. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ về tình hình sản xuất của ngành thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long	- Hiểu đầy đủ hơn ngoài thế mạnh lương thực, vùng còn có thế mạnh về thủy hải sản. Biết phân tích tình hình phát triển ngành thủy hải sản ở Đồng bằng sông Cửu Long. - Xử lí số liệu thống kê và vẽ biểu đồ, so sánh bảng số liệu thống kê để khai thác kiến thức theo câu hỏi.	-Máy chiếu. - Thước.			
25	42	Ôn tập	- củng cố kiến thức cơ bản 2 vùng Đông Nam Bộ và	- Máy chiếu			

			vùng đồng bằng sông Cửu Long về. - Chỉ bản đồ, phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê.				
26	43	Kiểm tra giữa kì I	- Nhằm đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức ở các mức độ biết, hiểu, vận dụng kiến thức đã học trong 2 vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - Xử lí số liệu, vẽ biểu đồ, trình bày bài kiểm tra.	-Máy chiếu			
27	44	Bài 38 – 40 Chủ đề: Biển - đảo <i>Nội dung 1:</i> Chủ quyền biển đảo Việt Nam.	+- Nhận biết được các đảo và quần đảo lớn nước ta(tên, vị trí). + Phân tích được ý nghĩa kinh tế của biển, đảo đối với việc phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng. + Trình bày các hoạt động khai thác tài nguyên biển, đảo. + Trình bày đặc điểm tài nguyên và môi trường biển, đảo. + Xác định được vị trí, phạm vi vùng biển Việt Nam. + Kể tên và xác định được trên bản đồ vị trí một số đảo và quần đảo lớn từ Bắc vào Nam(Cát Bà, Cái Bầu, Bạch Long Vĩ, Côn Cỏ, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Thổ Chu; quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa). + Phân tích bản đồ(lược đồ), sơ đồ số liệu thống kê để nhận biết tiềm năng kinh tế biển, đảo của Việt Nam, tình hình phát triển của ngành dầu khí ở nước ta. + KNS: Tư duy, giao tiếp, làm chủ bản thân, tự nhận thức.	- Máy chiếu	-GDANQP: Cho ví dụ chứng minh phát triển KT biển gắn với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh biển. -Phần I: Mục 1: GDĐĐ: - Giáo dục tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, sẵn sàng tham gia nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.		
28	45	<i>Nội dung 2:</i> Phát triển tổng hợp kinh tế biển. <i>Nội dung 3:</i> Bảo vệ tài nguyên – môi trường biển đảo.			- Phần I: Mục 1: GDĐĐ: Giáo dục tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, sẵn sàng tham gia nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.		
29	46	<i>Nội dung 4:</i> Đánh giá được tiềm năng kinh tế các đảo ven bờ và ngành công nghiệp dầu khí nước ta.			- Phần II: GDĐĐ: Giáo dục ý thức sử dụng tiết kiệm, hợp lí các tài nguyên biển đảm bảo sự phát triển bền vững. - Giáo dục tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, sẵn sàng tham gia nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - Phần I: Mục 2: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH- BVMT: Trước tác động của BĐKH.		
30	47	Bài 41. Địa lí tỉnh Quảng Ninh	- Nhận biết vị trí địa lí và ý nghĩa của vị trí với phát triển kinh tế - xã hội. Nêu được giới hạn diện tích. Trình bày được đặc điểm địa hình, khí hậu, thủy văn,	- Máy chiếu	GD ANQP: Bảo vệ tài nguyên môi trường -Phần III: GDĐĐ: Giáo	Học cả bài	

			đất, thực vật, khoáng sản, của tỉnh Quảng Ninh. Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh. - Xác định trên bản đồ, lược đồ vị trí địa lí tỉnh Quảng Ninh(thành phố Móng Cái), các đơn vị hành chính, huyện, thị trấn, thị xã, thành phố của tỉnh. Phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ, lược đồ để biết đặc điểm tự nhiên của tỉnh.		dục tình yêu quê hương đất nước, ý thức trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác trong học tập và rèn luyện tu dưỡng đạo đức xây dựng tỉnh Quảng Ninh.. - Phần II: Tích hợp GD ứng phó với BĐKH: Nhận xét, phân tích những thay đổi khí hậu, thủy văn ở địa phương trong những năm gần đây.		
31	48	Bài 42. Địa lí tỉnh Quảng Ninh (<i>tiếp theo</i>)	- Trình bày được đặc điểm dân cư: số dân, sự gia tăng dân số, cơ cấu dân số, sự phân bố dân cư. Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của dân cư và lao động trong phát triển kinh tế xã hội. - Phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ, lược đồ để biết đặc điểm tự nhiên của tỉnh ta. Xác lập mối quan hệ giữa tự nhiên và phát triển kinh tế.	- Máy chiếu		Học cả bài	
32	49	Ôn tập.	- Kiến thức cơ bản về 2 vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. -. Đọc và phân tích các bản đồ, sơ đồ, Atlas địa lí Việt Nam...; Vẽ và phân tích các biểu đồ, bảng số liệu thống kê.	- Máy chiếu			
33	50	Ôn tập.	- Kiến thức cơ bản về phát triển tổng hợp kinh tế biển, đảo và địa lí địa phương tỉnh Quảng Ninh. - Đọc và phân tích các bản đồ, sơ đồ, Atlas địa lí Việt Nam...; Vẽ và phân tích các biểu đồ, bảng số liệu thống kê.	- Máy chiếu			
34	51	Kiểm tra cuối học kì II	- Nhằm kiểm tra, đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh ở các mức độ biết, hiểu, vận dụng kiến thức đã học trong chương trình học kì II, để từ đó điều chỉnh kịp thời quá trình dạy học, góp phần hình thành và phát triển năng lực phẩm chất của học	-Máy chiếu			

			sinh. - Kỹ năng về trình bày, so sánh kiến thức địa lí, xử lí thông tin số liệu, vẽ, nhận xét biểu đồ và giải thích nguyên nhân về vấn đề địa lí kinh tế.				
35	52	Bài 43. Địa lí tỉnh Quảng Ninh (<i>tiếp theo</i>).	- Trình bày giải thích được đặc điểm kinh tế của Quảng Ninh. - Phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ, lược đồ để biết đặc điểm kinh tế của tỉnh ta. Xác định trên bản đồ sự phân bố của một số ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.	Máy chiếu	- Phần V: GDĐĐ: Giáo dục tình yêu quê hương đất nước, ý thức trách nhiệm. - Phần VI: GDĐĐ: Giáo dục cho HS ý thức trách nhiệm trong sử dụng tiết kiệm, hợp lí các tài nguyên đảm bảo sự phát triển bền vững. - Phần VII: GDĐĐ:	Học cả bài	
		Bài 44: Thực hành: Phân tích mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên. Vẽ và phân tích biểu đồ cơ cấu dân số địa phương.				Hướng dẫn HS tự làm	

Yên Đức, ngày 25. tháng 09 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Lê Thị Kim Oanh

Nguyễn Tú Anh